

QUẢNG HOÀNG MINH TẬP

QUYỂN 15

THIÊN THỨ BA: PHẬT ĐỨC (PHẦN 1)

Tựa rằng: Nhờ kẻ tục làm ngạnh, khéo léo nường ghe, lớn hơn thầy gọi là vua, cho nên vua là vãng (xưa), như chốn quy về của biển là trăm sông, chấp hiệu vua dụ ở đây. Nhưng nói chung vua là ước duyên nhiều, sự lý chia hai, nêu cốt yếu chỉ có hai: Ban đầu rõ sự, thứ hai rõ lý. Cho nên rõ sự, vua thì có vua loài người, vua cõi trời. Hạnh hóa ở sự, sự dừng ở thân, thân tồn tại mà hóa hạnh, thân diệt thì hóa dứt. Đây thì chấp ngoài thân mà không suy nghĩ thức bên trong, nên gọi hóa kia là ngoại giáo. Hai cho là rõ lý thì vua pháp là Phật giác, hành hóa nơi lý, lý ở nơi tâm, tâm tồn tại mà làm hóa, tưởng diệt mà cảnh dứt. Đây thì ng-hiệm tâm kia mà không duyên cảnh ngoài, nên gọi hóa kia là nội giáo. Cho nên hậu thân mà sinh, sinh sinh không cùng, tổn sinh bỏ tình, tình quên chiếu tịch. Dù cho giáo của tồn hình muôn nước đồng nghi thức, thì thuật luyện tâm của ngàn Thánh đồng là một, đây thì hai giáo đạo tục ra, vào, lên, xuống. Tục thì vào có chìm hình sáu đường dùng đó làm liên tục. Đạo thì ra không mà lên ngôi vị ba thánh từ đây xướng rõ.

Từ khi chánh đạo truyền đến đông độ, hơn sáu trăm năm, đạo Phật nhờ từ tin mà tín đồ chẳng phải một. Riêng cứu giúp bạo ngược mà hãm hại Tăng, đập tượng Phật hai ba chỗ. Rõ sau trọng đạo thì chùa tháp sùng cây cũng đông. Còn như vua Ngô rõ Phật thánh hiệu chỗ quay về của người trời, vua nhà Tống nêu đức của Phật là chỗ tôn dùng của triều hiền, còn những người mê muội khác thì không nói cho xiết. Cho nên bài tựa hiện dấu vết điềm lành, lại thuật tụng đức đầy đủ, tùy loại xem qua đâu không rõ bày tâm tánh ư?

Lời tựa đầu Hoàng Minh Tập của đời Lương, bài tựa về đức mục của Phật.

Tấn Tông Bính Minh Phật Luận.

Tổng mục thiên “Đức của Phật” ở Quảng Hoàng Minh Tập đời

Đại Đường, quyển mười lăm.

- Nhà Tấn, Sa-môn Chi Đạo Lâm khen tượng Phật, Bồ-tát.
- Nhà Tấn, Sa-môn Thích Tuệ Viễn chép ảnh hưởng của Phật.
- Nhà Tống, quan Thị trung Tạ Linh Vận chép bài khen Phật

pháp.

- Nhà Lương, Thẩm Ước làm bài tựa Phật ký.
- Nhà Tấn về sau chép tượng tượng Phật cảm ứng.
- Nhà Lương, Cao Tổ nêu ra chiếu “Xá-lợi Dục Vương”.
- Nhà Lương, Tấn An “Bồ-đề Thọ Tụng”.
- Nhà Lương, Giản Văn Xương Đạo làm mười bài “Phật Đức

Văn”.

- Nhà Lương, Giản Văn làm “Tạ Phật Sự Khải” mười bài.
- Nhà Lương, Thẩm Ước làm “Các Lục Chùa Phật Tượng Tháp”

mười bài.

- Nhà Lương, Vương Tăng Nhụ làm “Xương Đạo Phật Văn”.
- Nhà Lương, vua Cao Tổ ở trong nước lập tháp xá-lợi.
- * Ban đầu của thiên “Phật đức” của bộ Quảng Hoằng Minh Tập.
- Khen tượng Phật Thích-ca, Bồ-tát v.v..., của Sa-môn Chi Đạo

Lâm đời Tấn.

- “Phật Ảnh Minh” của Sa-môn Thích Tuệ Viễn, đời Tấn.
- “Phật Pháp Minh Tán” của quan Thị trung Tạ Linh Vận đời

Tống.

- “Tựa Phật Ký” của Thẩm Ước đời Lương.
- “Phật Tượng Thụy Tập” của họ Thích ở núi Chung Nam đời

Đường.

- Chiếu “Xuất Dục Vương Xá-lợi” của Cao Tổ Hoàng đế đời

Lương.

- “Bồ-đề Thọ Tụng” của Tấn An Vương Túc Cương đời Lương.
- Nhà Lương, “Xương Đạo Văn” của Túc Cương ở đất Phiên soạn.
- Văn thệ phát nguyện quy y Phật của Vương Tăng Nhụ, đời

Lương.

Khen tượng Phật Thích-ca của Chi Đạo Lâm đời Tấn:

Đạo lập người nói nhân và nghĩa, nhưng nhân nghĩa có gốc gọi là đạo đức. Xưa Hy Chu chưa có hiệu Phật đại Thánh là Thái tử của vua Bạch Tịnh ở Thiên Trúc. Mẹ họ Tục, cha họ Cừu-đàm. Ngước lên linh trụ để nường, nhờ thông minh xinh đẹp, tiếng thơm lan xa, hấp thụ trung hòa mà đản sinh, bẩm thọ hạo nhiên của Bạch Tịnh, sinh ra từ hông bên phải. Còn nhỏ đã nói được, bao dung tước trời để không sang thêm, thật

khỏi lộc để chẳng cần là đủ, cho nên thường đêm cảnh giác trên ngôi vị, nghịch tế lữ sân tía, xót xa sâu muôn chứa trong cung mới dự định vượt ra bên ngoài, bổng chốc mà cao vút trùm cả ngoại ô đồng trống, bốn cửa thành đều mở, ba lần xem xét bệnh khổ, gặp người nhẹ nhàng lời đẹp để để khích phát, bèn cam tâm nhận mà không nghịch, hỏi thăm mưu kế lớn ở người có đạo, than thở chìm đắm ở đây, bèn rõ phát xa ra đi bồi hồi chốn thuyết nhân, thoát ngôi báu nặng ở hoàng cung, mong không đợi để nhẹ gót, lột long bào đầy trang sức đổi áo thô gấp mấy lần của người trong núi sâu. Bọn bè đưa đến bờ rồi quay lại, Ngài dùng chí cao khiết chẳng giống như đá, đặt lòng nhân như núi, trái cỏ để ở, suy tâm lập thể, sửa sang mối hơi an ban, vận mười toán để chất tâm, đều vận tám ghi của bốn thể, theo hai tùy mà giàn tuần, dứt hai mé đưa rước, duyên diệu nhất ở đầu mũi, phát mờ tối của ba chỉ, rỗng suốt bốn quán mà hợp tan, năm ấm đời đổi nơi hoàng phủ, sáu tình trống rỗng nơi rừng vắng, để nguội năm lửa dục ở trong, khuếch rộng tâm chính đại, rửa Bát-nhã để tấn đức, ẩn thất trụ mà thêm nhiệm mầu.

Tìm minh ngữ ở sáu tuyệt, răng thỏ đứng mà bỏ nơm rộng chứa nhóm trong muôn kiếp, đồng sinh biết ngay năm ấy. Che đây trước để tự tiện chói lợi. Tế sáu Phật mà nhỏ truyền, y cứ to lớn trượng sáu, thân thể mang đầy ánh sáng, mở độ Trung Huỳnh, sắc đẹp hơn vàng ròng, vận động lên tận trời, qua lại thản nhiên. Tám âm vang xa, khỏi dự bày vẻ đẹp, nhiệm mầu xem chưa có điềm thì cao tuyệt sáu ngôi, bày thành nổi tiếng thì hóa thành năm ba chỗ. Xung lượng rộng nơi thái hư, Thần che trùm lưỡng nghi, đón gợn đời thành thể, thái hòa dự định mà gọi là tốt đẹp. Cỏ thi tròn, tượng kia thần vắng lặng. Quẻ vuông, pháp kia trí trùm hết, chiếu nhóm sự giúp đỡ lưu giữ điềm lành nguyên túc mạng để chế tắc, hoặc giềng mối thì dùng đức nghĩa, hoặc đục chạm thì dùng gió mạnh, hình bóng loáng như ngày mới, trông mong nhiệm mầu đứng đầu ở vô tận. Thực hiện trăm lần luyện để đến chỗ thuần túy, dẫn dắt chúng sinh quay về tâm tôn, nhờ ngoại kiến của Nghiêu Khổng, dặn dò tám ức dùng lời tốt, che trùm gò cao để khởi kinh điển, thấu nhật ba không của đạo hạnh, bọc Đam Chu lại để hội sự nhiệm mầu, thần hóa nổi tiếng ở Tây Vực. Ánh nắng ban mai lên cao làm hang tạnh ráo, dân trông mong kính mến mà khởi hạnh, giống như khúc diệu ở cung thương là đúng thời.

Kính mến Hy Phong xa tít, thần gửi Trác tuyệt ở Hoàng Hiên, Uất Thái Xung Hán ở Châu Đường, khen ngợi có dư ở Trâu Lỗ. Tin có thể cho là đều lãnh hội thần hóa, khuôn phép của vua chúa. Năm càng

buông lung tâm mất dần dấu vết Nê-hoàn, hễ đến người lúc làm lúc nghỉ, hoặc ẩn đây hiển kia, dấu vết bật ở cõi nhần, thâm trở về Duy-vệ. Kể tục vâng theo thường cho là kỳ lạ, vốn dùng còn mất mà bao gồm, còn như tánh linh giác, ba cõi thuần túy, rộng như sông nghiêng, đổ ào như trời sụp, dân đen cùng đêm dài đồng tối tăm, dòng khô cùng bến cạn đều thiếu. Sáu độ cùng lở núi đều mất cả, ba thừa cùng dứt trực mở cương, đệ tử khóc ra máu mà tâm tán, trăm sinh linh đau buồn mà đều sợ. Đạo cao ứng thấp, nhân tuần hoàn chính thân khen, cho nên không cầu khóc mà khóc, đâu chẳng phải gồm quên thiên hạ để khiến gồm quên. Nạn linh phong truyền trùm khắp đất trời, lịch số cuối cùng ở huyện Xích, sau chết cho nên cùng nghe, kính mến thần nghi mà việc dứt cả ngàn năm. Kỳ Hoàn đã phiêu lạc, thọ vương cuối cùng cũng hoang vu, đạo tan người mất thời cũng rồi. Chạy trốn do bất tài, vâng theo mưu kế lớn, đuổi theo ánh sáng ban mai mà không kịp, dựa cây dâu mà chưa lên, thần rong ruổi ở nguyện xưa nói lại khâm phục, bèn viện bút khởi thuật xưa nên suy nghĩ xa. Kia nói rằng: “Thái Thượng đã đi xa”.

Có Đường Thống Thiên, Khổng Diệt Nhân Chu, Lư ba truyện nói Đức Thích-ca là Duy Đế trước ứng đây làm sự uyên thâm. Hóa dung ở Trúc Càn, giao tiếp nuôi dưỡng điềm nhiên, rửa giặt thuần túy lên đầu nguồn, đi xa phép tắc của vua chúa ở đời, lãnh tông trung huyền, rõ ràng mưu mô lớn, dựng lên sự tài giỏi viên linh, cao lớn như Côn Nhạc, lượng trùm thái thanh, thái tượng ít dòm mà kia tròn sáng. Huyền âm ít học, văn dùng tám tiếng, đước tuệ sáng rõ, cây đèn ngã trong đêm xa, người kính ngưỡng nó sáng chứ ai biết cái tối kia. Trông ráng chiều thì cũng là bến mây, oai dương bày mùa hạ, ôn nhu trải mùa xuân. So đồ dùng hình, cơ cao do thần, cuốn thì khói diệt, vọt lên cũng là rồng đuổi mình, cổ vũ ghe rạch linh khí chỉ có mới, ai cùng làm đây, riêng vận hành vòng xoay đồ gốm, ba không trung huyền, tám ức đưa xa, hai bộ đã rộng mở, hai bút chỉ một sách, nạp đầy để có tâm kỳ lạ, thần nhiên để đơn giản đón gọn, cất các thứ vào hòm giấu đi, là đó khiến điều lành có thể khéo nhân lành, bèn giảng nói, đến nỗi còn nói tánh há y theo mở mang. Mặt trời mặt trăng sáng rõ, hiển tối cùng khắp, sống như mây mù rồi rấm, mập mờ đến tắng sáng, đến người toàn hóa, dấu vết theo đời mất giả gọi là Nê-hoàn, nói cáo nói quy đời gió trời đất, chứa cỏ thơm trong cửa đỏ, tượng vông không còn, ai cùng ngộ cơ, gương tâm nương bút ngỗ hầu gặp sáng tối.

Khen tượng Phật A-di-đà:

Phàm ngoài trời đất sách vở chẳng bằng kịp. Thần đạo trái đời há

ý người suy lường được, cho nên nói rằng: Chỗ biết của người chẳng như chỗ không biết, mỗi khi ở thường liền muốn đem chỗ không thể thấy mà dứt chỗ chưa thể rõ, cho nên khiến ếch đáy giếng có sự khoe khoang nhà trũng, dựa Di có khoe khoang nước mùa thu, cho nên mù mịt.

Tôi dạo ở phương lớn, tâm mệt mỏi mà không hận nhân do yên nhân, lại trình bày các sự đẹp đẽ kỳ lạ. Kinh Phật ghi ở phương Tây có cõi nước tên là An Dưỡng xa tít mù xa trải qua đường xa hằng sa thấy đều đời người, không thể dạo ở biên cương kia mà chẳng phải không có người đến mau, đâu thể gây ra sự mau kia. Đức Phật ở cõi kia hiệu là A-di-đà, tiếng đời Tấn gọi là Vô Lượng Thọ. Nước không có vua và tước quan, chỉ có Phật làm vua, ba thừa làm giáo, nam nữ đều hóa sinh trong hoa sen, không có dơ uế của bào thai. Lầu gác cung điện đều bằng bảy chất báu, đều tự nhiên tạo thành chứ không do người xây dựng. Vườn tược ao hồ cỏ hoa rậm rạp, tốt tươi kỳ lạ. Bay lên chìm xuống trời khỏi đầm sâu, chết ở bầy thú mà dùng chân, kêu đóng cửa không có cánh ở Hoàn Lâm, âm vang tiếng ngọc từ giai điệu ống sáo, khoảng trời hư không hoa rơi xuống để đầy cảnh thần gió quét, cho nên nhận mới, cam lồ hoa nhiệm mầu dùng rượu ngon giúp gió tuệ, đạo đức vang xa, thánh âm cảm ứng như sấm vang, đầu tuệ mây giăng mà xâm xập trong xanh. Học văn co lại mà quý lời. Chân nhân thần tôn, bỏ sự quen lờn mà lưu xuất nhiệm mầu, nên các sự mầu nhiệm mở rộng từ đây.

Thần hóa sử dĩ mở mang truyền bá riêng có kinh chép. Do sự ghi chép tốt đẹp kia nói rằng: Đây là đời ngũ vị của nước Tấn, có thờ chánh giới của Phật, đọc tụng kinh A-di-đà, thể sinh về cõi kia, không suy phước người thành tâm. Lúc qua đời tánh linh hóa sinh cõi ấy, gặp Phật, thần liễu ngộ liền chứng đạo. Tuần sinh chưa dứt, thêm tham gia tàn tích, đuổi tâm ở thần quốc, chẳng phải điều dám mong, bèn nhờ người thợ vẽ tượng thần để chiêm ngưỡng cao nghi, do tư chất như trời, ca vịnh không đủ, bèn dùng lời tụng nhiệm mầu, lời kia nói rằng:

Đạo vua cai trị bên ngoài, đạo thần đẹp yên bên trong. Vua mà Chánh giác thì gồm tông sư. Bình tên thương xót chói lợi trong thất bại đáng đáp ưu tú, ba đạt bình yên bày cảnh vàng mới, đường dài dần đặt trở về nơi thần hóa, ngộ cơ cảm ứng, năm độ đều thao tác, sáu tuệ ngiên cứu kỹ, có không đồng hình trạng, cửa màu rộng mở, ca vịnh sẵn có tinh nghĩa thuận thần, nhiệm mầu minh mang, ba thừa đồng đức, vì giấu điều bất chước xưa, biết đến chỉ có mới, hai tài ai hàng, lãng trệ do người, tạo hóa trông coi bờ cõi, mây liên lụy núi cao, nhà tím sáng sớm đứng trở trời, nhà đẹp như rải sao. Cửa ngọc thông phương, tường vàng

mở góc. Buổi sáng bóng nghiêng, ráng buổi sáng sớm xinh đẹp, thần đê xen xa chín nguồn càng sâu, sóng không nơm mất, vẫy ít mà mỗi quá nhiều, đầm không có ai trông coi kính sợ mong mỗi nhớ rừng, có khách bỏ chạy, mưa vùi tâm cơ, cam lồ ai hòa hiệp, lan huệ giúp hương thơm, hóa theo mây dày đặc, tục khởi gió mát, sum suê tiêu tán, gió mạnh quét sạch, rừng Quỳnh hòa vang tám âm thành văn, ngọc mân dao trắng tinh, hoa sen lúc rạng đông, dòng nước lóng trong tinh khiết, nhụy hoa rải hương thơm, ẩn núp dưới hoa sáng tối, chờ sự sáng suốt bay đến, thai ở trong hoa sen, kết tinh thơm ngát, giống các phong hóa nhiệm màu và lâu dài, vạn phép biến thành một, đồng về ngồi quên.

Mười một bài khen các vị Bồ-tát.

Khen Văn-thù-sư-lợi:

Đồng chân lãnh đạo màu, linh hóa thật vang xa, xưa giác ngộ loài rồng, nay thời mộng du phương, bỗng lòng nương thần lãng, bước cao Duy-na hưởng, bỏ đây mong yên bình sáng rõ như hư không, chạm loại khởi trong sạch, mắt chạm đều rộng suốt. Phạm thiên Đế Thích phục gia hội, tà nhân nhận dòng thơm.

Khen ngài Di-lặc:

Đại nhân làm nề nếp nhiệm màu độ đời, yếu tan bay đời lên không, Sư thông giúp tự bỏ. Thích-ca lên chỗ u nhân, Di-lặc nương thần đậu, Thiên Thánh Lục Tái Linh, nương trời nhân năm chín chỗ, rồng bay lên trời Đâu-suất tống pháp chấn động huyền cung, khởi âm vang lạnh lạnh ba ngàn, sáng loáng ngưng đọng xinh đẹp, kết thêm hoa sen sáng long lanh, ánh sáng lừa thừa trên cao mong khởi, tám âm xướng tự nhiên, trí thần nhiên thật may mắn nhiệm màu, thấp thoáng ca ngâm lớp huyền diệu, vòng quanh bốn mươi chín lớp, ứng vận đến trong ngọc phan kéo bốn mươi tám vẻ đẹp đây sáng rực cỏ hoa vườn rừng, tiến lên tâu vết màu ba lần bày tỏ ở duyên xưa.

Khen Duy-ma-cật:

Thế Duy-ma, tánh thần. Giáo hóa đất Lãng cảm sân cỏ, không thể mà có khởi, trôi dạt vào hình danh, dân động thì ta bệnh, người ngộ khí ta an. Điềm nhiên, dao động đâu hình bóng, hình bóng ứng cơ tình, âm vận màu chờ bậc thập triết bay lên ngạo bốn hoa, chết hện gặp nhu đầu tiên lên khen sinh tử.

Khen Bồ-tát Thiện Tử:

Hòa đón nhỏ khí trong, ngay thẳng đây đời trọc, lên đài phát ca xuân, cao hứng mong vết xa, nương hư không cảm linh giác, chấn hưng

giềng mối phát đồng môn, ngoài thấy nhờ vắng vẻ rộng lớn, có không tự thâm đồng, quên cao nên không thấp tiêu điều trong vài nhận, nhân hoa xin không chấp, lẩn hờ không rải hoa sen, Năng Nhân mở câu màu “ngay sắc tự nhiên không”, vết có không giao suốt, thâm biết không công soi, thần mong phát nơm ngộ, rỗng rang tự linh thông.

Khen Bô-tát Pháp Tác:

Chính xưa có gia hội, ngày nay nhiều thần linh, Duy-ma phát vang sâu, xin đặt tên Bất Nhi, âm màu đem đến hòa, pháp làm đốc suất hữu tình, tiến lên vận tâm màu, lác đác âm khí trong, trần hai nêu phân chia, diệu một gửi vô sinh.

Khen Bô-tát Hãn Đầu:

Hãn Đầu giúp chúng ta tạo lý nhân hai trống, trống hai tự được nhiệm mầu, vông tượng lại vào trần, lấy gì dứt dấu trần, quên nhất về bốn vô, hư không đồng chỗ nào quý không quý bèn thần nhiên vui vẻ.

Khen Bô-tát Bất Thuần:

Có ái sinh bốn vực, vực dụ đường đời dài, chưa bằng quán vô đắc, đức vật vật tự tịnh, vì sao hư không nghe vắng lặng, điềm nhiên trí mở thần, bật dấu đối linh thể, có không chẳng chỗ mở rộng Bất Thuần thâm hòa nhiệm mầu, gá tâm không hai cảnh.

Khen Bô-tát Thiện Túc:

Gá tâm ở vong giác, có suy tư chẳng biết lý, sắc đến chìm vào hư không, âm vang ánh sáng sinh nên thương xót, gá tối tăm dạo chơi càng tối tăm, tối mất đối với bóng rơi xuống, ba cõi đều siêng cầu, Thiện Túc riêng dứt mắt.

Khen Bô-tát Thiện Đa:

Từ lớn để bước qua nhỏ, nhỏ cũng lại nhảy qua lớn, đã gọi là đại đạo, khiến ngoài tâm, hình, danh đều quên dứt xấu xa, thâm lặng hội nhiệm mầu, Thiện Đa thể xinh đẹp, vôi vọi ôm Thái sơn.

Khen Bô-tát Thủ Lập:

Làm nhọc do không nhọc, cảm ứng không suy nghĩ, du nhiên không biết vui, vật thông chẳng ta giữ, hình lộn đồng sắc dục, suy nghĩ ai đến đó Gia hội nói chí màu Thủ Lập hẳn thể này.

Khen Đồng tử Nguyệt Quang:

Linh đồng yên thần lý, điềm nhiên hòa thuận tự mất nhau, rộng quy tắc xót thương thế tục hôn mê mờ tối, thống thể xứng Nguyệt Quang, tâm làm uẩn lưỡng nghi, dấu vết là dòng nước mềm mại dưới cầu, xinh đẹp tài giỏi ở Càn Trúc, tên vang huyện xích thần hóa trái lưới tục, lưới màu trùm mọi nơi, gò cao nhóm bày bệnh nặng, khu xa may mắn có nhà

ngọc, cấp dẫn khởi có đối đãi, thâm quy về trước vô tận, giấu cánh ở lại non cao, gân gió mạnh gửi hương thơm.

Bài minh về bóng Phật:

- Nhà Tấn, Sa-môn Thích Tuệ Viễn soạn.

Phật Ảnh nay ở trong thất đá Cổ Tiên ở núi Nam Sơn, nước Tây-na-ca-ha-la, qua sa mạc theo đường tắt cách đây một muôn năm ngàn tám trăm năm mươi dặm, cảm đời ứng ra rõ ràng ghi ở trước.

Hễ dính mắc nơi cận tập thì không hiểu điều ít nghe ở đời. Võ về thường ngày, ít nhớ việc cảm ở ngoài, là khiến trần tướng chế ở huyền khâm thiên la võng, thần lực kia nếu cho đó cùng năm thì đời nay đâu có gặp, cho đó mong tâm thì mở suốt chẳng phải thời kỳ, vì thế phát giận quên ăn ngủ, tình trăm tức giận kia ở chỗ vắng vẻ yên tịnh, lý khế hợp tâm kia, ông bèn suy nghĩ ân huệ thấm nhuần của chín trạch, lòng từ vô duyên của ba phục, nhiệm mầu ứng hóa của Pháp thân. Do thần thông lời nói là hóa, hóa không có sở cảm, từ không sở duyên thâm ôm tự đắc, thí như mặt trời mặt trăng ở bầu trời xán lạn thì ánh sáng càng rạng rỡ. Chúng sinh vinh quang sáng sủa, hữu tình đồng thuận, hoặc mừng ánh sáng treo cao ở mình, vọng thức thành điều kỳ lạ, bàn vật nhiệm mầu công quy hết ở đây, định muốn soạn thảo điều tối cực để nói đạo kia phảng phất còn, mà không thể bàn thì nhờ đâu rõ đạo? Pháp thân chỗ vật, không mỗi vật mà cả triệu đầu mối kia, không vẽ tron mà hội thành. Lý mầu nhiệm ở biểu ngoài của vạn hóa thường dứt ở vô danh. Nếu chính lời gợi nơm kia thì đạo không đâu chẳng ở đây, cho nên Như Lai hoặc ẩn vết trước để sùng hưng nền tảng, hoặc hiển đường sống mà định thể, hoặc riêng phát ở cảnh mò tìm, hoặc đợi nhau ở trường đã có, riêng phát loại ở hình, đợi nhau loại ở bóng, suy ra thâm gửi là có đối đãi? Hay không có đối đãi? Từ ta mà quán thì hữu gián mà vô gián.

Câu pháp thân vốn không hai mối, chia hình bóng thuần thực mé đó ư? Không ngộ linh ứng ở đây, luống biết viên hóa chẳng phải hình mà động dừng mới là dấu vết kia, há không phải xằng bậy ư? Viễn tôi xưa thường hầu hạ Tiên sư nhiều năm, tuy mong cầu lời răn dạy từ bi, chí nương sách màu thường tưởng nghe điều kỳ lạ để đốc suất sự thành thật kia, gặp Sa-môn Tây Vực ngay bữa cơm nói du phương, cho nên biết có bóng Phật, mà người truyền còn chưa rõ ràng. Đến ở núi này gặp Thiền sư Kế Tân và Luật học Đạo sĩ nước Nam, đồng với chỗ nghe lúc xưa, đều là người kia đã xem qua kinh, do đó hỏi rõ mới có nhiều điều biết trước. Rồi sau nghiệm thần đạo không có mới chạm tượng mà

gỏi, trăm lo gặp gỡ chẳng phải chỗ cảm ứng nhất thời, vì vậy ngộ suốt kia ứng thật, rất đáng tin, toan dắt dẫn đồng khế phát chân thú kia, nên cùng các bậc hiền tùy hỷ mà viết bài minh.

Khuếch là rộng lớn, lý màu không có tên, thể thần nhập hóa, lạc bóng lia hình, xoay lại sáng tầng núi cao, ngưng đọng rực rỡ ở hư không, ở tối không mê, chỗ sáng càng thêm sáng, khéo léo như con ve lột xác. Triều tông trăm linh, ứng không đồng phương, bắt dấu vết mà thăm thăm, mệnh mông hoang vu, không khen ngợi không khuyến khích, bàn lui không tả dung mạo, chùi không trung truyền tượng, tướng đủ thể nhỏ, xinh đẹp tự sáng, lông trắng tuôn ánh sáng đẹp, trong đêm tối chợt sáng rỡ, cảm thành bèn ứng, hòa thành phát tiếng, lưu âm dừng núi, bốn ngộ thâm thưởng, vũ về có hội, công phí do loại bỏ, xoay gót quên kính, quên lộ quên biết, che ánh sáng ba quang (mặt trời mặt trăng và sao), muôn tượng một sắc, sân nhà rậm rạp tối tăm, đường về chớ suy lường. Ngộ đó dùng tịnh, chấn thì dùng sức, gió tuệ tuy xa, chỉ có trần dứt, chẳng có y huyền giám, ai quạt tốt kia. Mong âm vang xa, bèn quan tâm đến hướng Đông, ưa gió mộ đạo, ngưỡng mộ phép tắc huyền độ, tột nhiệm mầu diệu lành sợi lông trắng, chỗ chuyên nhẹ nhàng trắng sạch, nhờ vẽ màu luống ngưng, đợi ánh sáng mặt trời tiêu mây mù. Dấu vết do tượng chân, lý sâu đến kỳ thú, mở áo kỳ lạ rõ gió dẫn đường, hơi trong mát về hiền nhà, sáng tối giao nhau mà chưa rạng sáng phẳng phát cảnh thần nghi, mang máng như thật gặp. Chép đó vẽ đó, làm gì cầu gì, thần đó nghe đó, soi xét ông chỗ tu, chẳng phải phép trần này, sáng rõ dòng huyền diệu kia, thấu tình linh chiếu, uống hòa đến nhu, chiếu hư không ứng giản, trí lạc bàn trùm khắp, rất nhớ thâm giá tiêu tưởng thần đạo đi, xong mạng một đời, dứt bỏ trăm lo.

Ngày mồng một tháng năm năm Nhâm tý, nhằm năm thứ tám niên hiệu Nghĩa Hy đời Tấn cùng lập đài này, phát thảo tượng núi này, do đó liền cho gỏi thành. Tuy thành do thợ mà không công thì không chỗ giúp thêm. Đến năm kế ghi sao, xích phân như gò lớn Trinh Vu, Thái Âm. Ngày mồng ba tháng chín bèn rõ xem xét ghi riêng chép trên bia đá, từ kinh ban đầu trăm người thành kia, đạo tục vui mừng cảm ứng dấu vết để vui tâm, vì thế do bốn ứng sự quên nhọc nhằn. Vào lúc khách múa phát trần nghiệm đầu đồng ca, hoặc ưa viễn du gá tường nghe lạ, ngộ hầu đến trọng pháp của bậc Hiền, cho nên đủ thời người ở hội ảnh nhóm đại thông, thật phi lý ở đây, đến khi đứng lâu tấm lòng xa khăng khái vốn đã vượt cảnh thân.

Bài tựa khen kim tượng trưng sáu của Tướng Dương đời Tấn:

Nhân Thích Hòa thượng làm tượng cao trưng sáu.

Xưa Phật giáng linh ở Thiên Trúc, thác hóa sinh vào cung vua ở thượng quốc, hiển tích trọng thâm khai mở đường thần, sáng rõ vũ trụ, sáng nhà đại thiên, muôn dòng lóng nguồn tròn sáng không chủ, giác đạo ngưng đọng chiếu soi. Vì vậy trái biến hóa để động mọi người mà tâm xấu quần tà bước nửa bước thần để cảm thời các nghi đồng giải thích. Huyền vận pháp luân ba thừa đều theo dấu, đạo đời giao nhau, trời người mộng, tịnh âm đã xướng, tiếng dội vang xa, gió kín quạt xa sinh thiện giáo, cuối năm nương ngàn lễ cúng luống mừng đại hóa mà chuyên chờ hội kia. Sa-môn Phát Hoạch Khẩu Tân phát minh rất sâu, thần ma vọng lượng ăn mặc đều nói đến, dấu khâm phục mà vị trần bị gió đạo thổi ra xa tít, dừng chân khỏi bước vì dấu nhiệm mầu đã xa. Mỗi khi mong tưởng ánh sáng mặt trời phảng phất dung nghi, thức ngủ đều mong nhớ như hình ở tâm mắt, thâm ứng có ngày, u tình chớ phát, khảng khái tự thương tiếc, bi giận chẳng gởi, bèn xa thế trăm niệm dè dặt suy nghĩ kính mến, bèn thuật tám vua cảm đồng chí, hồn giao trong mộng mà tình ngộ ở trong, ra lệnh môn nhân đúc tượng đó. Hình lý tuy có khác nhau, bậc cấp có thứ lớp, tinh thô thanh khác ngộ cũng có nhân, cho nên phát thảo hình trạng khuôn mẫu, mở tâm khác bến, nghi hình thần mở ra hội trăm lo, khiến nhớ người xa, triệu huyền căn ở đời sau, còn người gần tạo duyên sâu dày nhiều kiếp. Bền đường phước gồm rộng dấu vết chân thật đáng bước theo. Ba nguồn ngược dòng, chín thần đồng vực.

Bấy giờ bốn bọn vui mừng, đạo tục thích thú, dấu vết và âm vang hòa ứng như rừng, khuôn đúc có cùng nhà trống mà người đến giúp không mảy may làm trắc trở, khuyên giúp có siêng năng nhiều kiếp, mà người làm việc không cho là tối tăm mệt nhọc. Vì mọi người tìn nhiệm có thể không phải một ngày mà thành, công ở nơi người mà việc thành còn ở nơi trời. Phàm rõ chí chớ như lời, tuyên đức chớ như tụng, cho nên chí dùng lời rõ mà công nghiệp có thể còn, đức do tụng tuyên mà hình dung có thể giống, chẳng lời chẳng tụng thì lấy gì làm đẹp. Bền làm bài tụng rằng:

*Đường đường thầy trời,
Rõ ràng đường xa.
Vượt bầy thẳng đàn,
Rõ hơn ngộ trước.
Tuệ ở hư không,*

*Khéo chẳng dùng số.
 Cảm thời mà khởi,
 Ứng thế thành việc.
 Mặt trời phát sáng,
 Tướng lạ rõ bày.
 Nghiêm túc linh nghi,
 Vội vội bước thân.
 Mênh mang tạo vật,
 Vận màu thâm truyền.
 Lớn thay Thích-ca,
 Cùng hóa đổi đời.
 Tĩnh, im như vực,
 Động thì trời theo.
 Dằng dặc xa khơi,
 Gắng gỏi buộc dài.
 Ngược tông không tượng,
 Ẩn sáng lia bóng.
 Kính mến ngàn năm,
 Là nghi là nghi.*

Khen tượng Văn-thù của Tấn An đời Ân:

Văn-thù sâu sắc uyên thâm cách thức rực rỡ ngạt tiếng, tham cứu nhiệm mầu phát sáng rõ, lên đường hoài nhớ tài hoa, lanh lảnh ba đạt. Như ánh sáng mặt trời, gắng gỏi thân thông, tại biến y hình, toan mở rộng hăng sa, đúc nắn chúng sinh, gió chân mờ mịt, ngàn lần tế càn linh, suy nghĩ tông thông minh xinh đẹp, nói mở thân thành, tuyệt dứt trần riêng dừng chúc tướng quá mờ tối.

Khen tượng Văn-thù-sư-lợi:

Văn-thù-sư-lợi là Bồ-tát du phương, do lia cấu mà có tên gọi này, chẳng phải hiệu đó có trước. Vốn gọi là sinh cái chí đạo khởi mạo kia, sao lại luống dẫn táng bày ở năm đức, nêu phép đời ở đồng chân, gồm gió tục đời thì cảm thời ở sách vở, cho nên nói là “Nho Đầu”, lại dùng Pháp Vương Tử làm tên.

Muốn cùng sự uyên thâm sâu sắc kia quyết trước giữ sự rất sâu kia trọn nơi xa xưa, há ngôn tương có thể tốt được, cả kiếp cũng khó đếm hết, công cao nhóm bụi, thông thả xa rộng, có thể là nói xin lược bày cái tổng kia. Nếu người ban đầu đưa ra. Từ giáp trụ của vua tôn hiệu là Pháp vương, tâm vô thượng là điềm riêng ngộ, phát ra trong đó

cảm không đâu chẳng do người khác, gần đài gặp chánh giác mà trong ngọc linh sáng rỡ, cảnh huyền chưa đời bèn vượt lên vị đạo, vì vậy gốc sâu hẳng tạo ở xung phong điều cánh thần, cán rìu mà đồng mậu, khí từ bi cùng gió tuệ đều quạt, rõ ba đạt cùng mặt trời mặt trăng và ánh sáng, đủ thể mà nhỏ nhiệm, vốn dĩ công bằng pháp thân.

Nếu chính thiên cơ toan chở tức thần thông là nhà ở, viên ứng thâm hội, dùng không tỳ để bày dấu vết. Đây sở dĩ động không lia tịch mà càng trùm vũ trụ, bỗng cảnh vô thường mà gọi là mữ du phương. Thế Tôn xuất hiện bèn trao nhiệm mầu tiến ẩn hiển đức ở rừng thơm, nhân mừng mây mà sang Tây, lại rồng thấy ở cõi này. Pháp luân đã chuyển thì huyền âm sẽ xướng, đối chư Phật xưng khen tốt đẹp kia, sắc tuyệt trần tục cho nên người giặt mũ lèo cao dấu vết kia. Trái với kia, hợp thiên hòa để ngay thẳng, hấp thụ xung khí làm linh, đuổi tầng mây để xoay bóng mát, nhã âm đức để lưu tiếng thơm, ai có thể so sánh với đây?

Toan muốn làm nghiêng ngã tánh chúng sinh, nhà rất ư mềm mại, mở rộng nền nhà ở một sọt đất, khuếch trương hẳng sa mà làm nhà. Nếu vậy mà không mừng gió Văn-thù thì chưa suốt lượng không cùng, cười dài ở tác vuông vắng lặng. Tự Thế Tôn chấp nê rằng: “Đem ngàn lễ cúng tế lưu đời bóng thời gian, lại cùng thời giờ mà lên xuống”, do đây thâm nhớ người tôn cực, cảm thương mất nguồn nơi bến dài, sợ gió làm tổn ẩn mặt trời, bèn cùng nêu dung mạo bằng vàng, đá và kê dùng văn tụng. Người suy nghĩ tự xong, ngăn mây sương để thêm thấm nhuần. Nay gặp gỡ bởi là thường giảm trăm năm, có Thiết luân vương làm vua cõi Diêm-phù tên là A-dục, kính mến phép tắc mà làm tượng. Tuy chân thể không còn ở hình mà linh vị như có chủ. Tuy âm ty không dùng tình cầu mà cảm đến ứng đây, cái khác của thần biến nhiều lần dân chúng nghe, nhân xét ngộ thì tin có tự đến. Ý cho là tiếp vận suy tàn thật do công thâm giúp, thông tục hôn phủ vốn chẳng phải một lý chỗ làm rộng, là do gá tưởng người hiền, thần thật nương nhờ, suy nghĩ hẹn ước toan tuyệt đầu mối, dẫn hào tâm để nêu ngôi vị, bèn từ xa bắt chước thợ giỏi làm tượng giống tượng trời, cảm đến tự đầy lòng bất giác vui mừng đồng ngâm vịnh.

Mở mịt đồng chân, tuổi nhỏ mong nhờ, ngậm anh tài, nhỏ ưu tú, trèo lên ngọn núi nhiệm mầu, thần cho đạo là vua, thể dùng xung thông, lãng hóa du phương bèn phép tắc giấu bước cao, để lại ánh sáng đời đổi ánh sáng, đến cõi này suy nghĩ đối vực sâu, yên tĩnh nhất chỉ thêm áo trống dứt thay thế, ngổ hầu rơi rụng trần phong.

Bài minh về ảnh Phật của Tạ Linh Vận:

Phàm đại từ giúp vật, nhân cảm mà tiếp, duyên tiếp vật đầu mỗi chẳng phải một, khó dùng hình nghiệm, dễ dùng lý để suy lường, cho nên đã giúp chép kinh, truyện, đủ làm ký luận. Tuy nghe ở khe nước nhỏ, cảm tạ xa xôi, tượng pháp vẫn còn, cảm chờ mừng vui gió, mặt trời, mặt trăng rộng sâu. Pháp bày đạo, người đến từ Kỳ Hoàn, đủ nói bóng Phật riêng là linh kỳ. Vách đá âm u tưởng khảm như có hình còn, dung nghi đoan trang, tướng tốt đầy đủ, đầu biết trước sau thường tự vắng lặng, Pháp sư ở Lô Sơn nghe gió vui mừng, vì vậy tùy hỷ nơi nhà tối liền xét vách đá không phía Bắc gối đèo dốc Nam nhiễm bóng Bưu Nhuận. Mồ mẫm phát thảo khiến lượng gởi nương màu xanh, đầu chỉ có tượng hình cũng dốc lòng, cho nên cũng truyền tâm là tốt. Đạo nhân nói thừa, xa nói ý chỉ, ra bệnh tôi soạn bài minh để khắc vào đá, ban đầu do công giúp, chưa có đạo rất tôn sùng. Nếu so sánh này há hạng nghĩ cạn và sở học ngoài da mà có thể nói được hay sao. Việc qua đến Tạ Vĩnh Quyến quên mình liền đốt hết tài sản sức lực hứa cho, đạo hay tốt bí mật sâu xa muôn điều không chép được một. Ngõ hầu đầy tâm thành rất cảm chúng sinh, cú bay có hẹn được âm. Xiển-đề có được đường tự cứu, phải tìm nhau ở Tịnh độ, mở mặt nơi đạo tràng, bậc Thánh không có ngã ư? Gây ra chắc chắn có báo, vin bút khởi lời, tình ép ngặt kia khẳng khái.

Chúng sinh do nhiễm mà ràng buộc trong sáu đường, bảy thức thay nhau dùng, chín chỗ thường dời đổi, mạnh thay năm ấm cuốn cả bốn duyên, khiến khắp luân chuyển còn nơi mình mây mỏng bốn duyên, năm ấm như lửa nổi. Tiến lên Chánh giác là tốt lý. Động không làm tổn thương tịch, hành không trái với chỉ, hiểu rõ mộng dài của ông, ngay thẳng của ông bị chìm nơi nghiêng lệch. Do thần minh của ta thành linh trí của ông, ngã không tự ngã thật nương nghĩa kia. Nhĩ chẳng tự nhĩ quyết bỏ đối kia. Đối đã sai đường, nghĩa có nhiều mối, nhân tiếng mà thành âm vận, tức sắc là mở mặt, trông bóng biết dễ, tìm tiếng vang chẳng khó, ngoài tiếng và hình còn có cái đáng xem. Xem ra nêu tướng đèn gần mờ mịt cảnh, chẳng phải chất chẳng phải hư không chớ suy lường chớ lãnh nhận, nương vách đá sáng rừng, dựa đầm soi giếng, nhờ hư không truyền xanh biếc, kích ánh sáng phát ra phân biệt, vàng tốt thâm yên lặng, lông trắng tối tăm mờ mịt, mặt trời mặt trăng ở các nơi. Hồ đầu than thở như đây, từng là vọng Tăng, ủng hộ thật đợi đối đãi, nương gió khiến tắc, rộng như có bao gồm, kính vẽ đánh để lại dấu vết, sớ tạc ngọn núi cao, khắp dòng hợp thêm, dịu dàng nơi cửa phòng, kích

động sóng bên thêm, dẫn trăng vào cửa sổ, mây qua vờn núi, gió thổi qua rừng thông, thế đất đã đẹp, tượng hình cũng dốc lòng, màu nhạt sắc nổi, rõ thấy chìm giác, hoặc diệt hoặc không, ở mô phỏng ở học tập, do trong sạch kia có thể cảm linh riêng, thành thật nói rằng “Phu”, ân huệ cũng là lẽ nối. Ôi! Ông nhớ đạo dè dặt trong cảnh giác, suy tìm yếu đuối chết chóc, dịch xiển-đề ngược đường nay thấy, phát nhờ đây đi thăm, thức lệ tâm nó. Thời nhất quyết lưu đối, dám chép nhà linh, kính cáo sự chấn tích.

Bài khen Phật của Phạm Quang Lộc vâng lệnh vua soạn:

Tinh thô sự ngăn trở, đầu ngọn lý thông, bỏ sự đến lý tức sáng sửa dứt bỏ mong nhờ, chỉ có linh giác này cho tâm thì tôn sùng, bốn đẳng giúp vật, sáu độ ở thân rõ phát để dành ngủ, ai là kẻ hóa ban đầu, vắng lặng nơi Song thọ, đâu lại vốn không, mờ mịt thân xa, mù mịt an như, xin nói đến kỳ khỏi sa vào mưu mẹo này.

Thơ của Phạm Đật Tiến:

Khanh thường thế nào, từng xem Cao sĩ, nhiều loại hữu tình, ta cũng chấp nhận khanh, do đồng sao lỗi xa mù mịt lại chưa riêng rõ cửa tối. Ta vẫn còn tình xưa trông đồng khái nhiên lại là có không chỗ chạy trốn. Thấy đèn bờ ruộng công như khanh hỏi thê Tăng ở núi thật là việc tốt đẹp, thường sửa đổi đời chọn, chưa phải là vui. Gậy sách tấn, quận đây thì tốt, trong Kỳ Hoàn chuyển có kỳ thú, phước nghiệp sâu rừng duyên đầy mắt, người thấy hình không thể truyền, nghe lời nói mà ngộ cũng khó, lời phiền mà thôi, ở đây dừng bút. Phạm Thái kính trọng.

Trong bài khen tháp Kỳ Hoàn Nhân Sí Sông chỉ bày nhau có thể ít lưu ý xét soi, và đồng tử cùng người ca mà tốt.

Tạ Linh Vận đáp thơ khen Phật của Phạm Quang Lộc:

Nhục bảo an ủi chân, trong thể lạnh nhiều hơn thường, gót chân Linh Vận nhiều bệnh tật, mùa xuân này lại thêm lo, lo người xưa có tình, tin Như Lai bảo chỉ ra đó kết thật qua cơn đói khát. Trong núi chỗ âm thuyết ngăn trở, âm trần thắm tuyệt, bỗng thấy các lời khen ngợi an ủi rất nhiều, có thể gọi là ca ngâm của thế tục ngoại đạo, tìm xem ba lần dạo chơi thêm nhớ, liền vâng lời hòa như riêng. Tuy lời không đáng xem nhưng ý gửi hết ở đây, con họ Tuệ Liên sau dâng văn ngộ thương, tốt đẹp của tông cũng có một bài. Và do xa tặng, nương pháp nghiệp Kỳ Hoàn ngày một tươi tốt, tùy hỷ đâu có tội. Sáu lương duyên nhỏ trộm trông chẳng dứt, tức thời kinh mới chiêu đề ở tại núi Nam, mái Nam

đến khen Bắc ngọn núi sau nhà, do đây dứt tâm sẽ không chỗ thêm ư? Bình sinh mãi vậy đến giấy phải lụy than, kính tiếc là trước kể dùng lời thừa, Thăng Trực đi Lý Tiếp lại theo dõi. Ngày mồng một tháng hai, Tạ Linh Vận thừa.

Hòa Phạm Quang Lục khen tượng Kỳ Hoàn:

Phạm hầu xa đưa tượng đến khen và bảo tôi đồng làm, thần đạo mong vi diệu xin nói chỗ dạn dò, liền gồm ba bài của đạo tràng đây.

Khen Phật:

Chỉ bậc Đại giác này, nhân tâm thì linh, cầu hết trí soi chiếu, số tột tuệ minh, ba đạt chẳng phải ngã. Một giúp đỡ chúng sinh, lý ngăn tâm hạnh, đạo dứt tiếng hình.

Khen Bồ-tát:

Nếu người kính mến, pháp tánh bỏ suy lự, dùng định nuôi tuệ, hòa lý giúp đây, ban đầu là bốn đẳng sau là thập trụ, hợp cầu đến, ở ngoài đều bỏ.

Hợp khen Duyên giác, Thanh văn:

Nhàm khổ, tình nhiều, khiêm vật, chí ít, như hóa thành kia quyền sẽ được báu, dẫn dắt Niết-bàn cầu khởi sinh tử, dụ cho nguyện ba xe lại về đạo Nhất thừa.

Bài tụng Vô Lượng Thọ (cùng em họ là Tuệ Liên)

Pháp tạng chứa ở cung vua, ôm đạo ra khỏi thành nước, nguyện bốn mươi tám lời, rộng thệ cứu chúng sinh, Tịnh độ là nhiệm mầu nhất, người đến đều trong sạch giới giang, tuổi già muốn an ổn, thừa hóa hẳn sớm đi xa.

Khen mười thí dụ trong kinh Duy-ma-cật. Có tám bài:

Nhóm hợp bóng bọt:

Bốn tánh vốn không bọt, kính trọng dòng bèn nhóm bọt nước liền thành dáng mạo khác, tiêu tan bỗng về hư không, quân tử biết cội gốc, an sự nhọc tranh đoạt, ngu tục sợ biến hóa, lại sinh vui mừng ngang trái.

Diễm:

Trong tánh ngoài tướng trạng, chẳng có khói đâu biết lửa, thường đời đổi nhau luôn, sáng rực chẳng đến ba, như đâu người chấp trước, trọn đời mê nhân quả.

Cây chuối:

Sống chia gốc nhiều mối, bẹ chuối biết chẳng phải một hợp mộng không kết hình hài, trái hoa do đâu thật, kể trí khéo lấy thí dụ, không

chủ tế ai kiểm chế được, chớ thân mật lúc duyên hợp, phải xem ngay chia lìa.

Huyền:

Huyền công dụng đồng, khác, ai lại gọi chẳng phải chân, một theo vật mà qua, đã qua cũng đâu bày, người lầm nghi xa gần, kẻ hiểu đều là khách, chế khởi tình lìa hợp, người hiểu không trăm đời.

Mộng:

Thức bảo ngu không biết, lúc ngũ chẳng phải không thấy, ý trạng đầy trước mắt, tốt xấu muôn thay đổi, đã ngộ xa mù mịt, tiếc là phù vật đổi, ai thấy hết Ta-bà, đâu chẳng là huyện xích.

Bóng hợp với tiếng vang:

Bóng và vang thuận hình và tiếng, giúp vật cho nên sinh lý, một sáng sớm chợt đi, vì sao được gần giống, chúng sinh đâu không vậy, mờ mịt ở tự mình, bốn sắc còn không có gốc, tám vi tế lại muốn đặt nhờ.

Mây nổi:

Lan tràn mặt trăng sáng, um tùm mưa núi Nam, làm được dụng biến động, ở ta rốt ráo không, chốc lát đã bay mất, đâu lại được nhóm hợp, các pháp đã không ngã do đâu có ngã sở.

Chớp:

Sáng rực ánh chớp qua, thấy được mà không thể theo, hằng sa chúng sinh khi sinh diệt ai lại xét sự mau chậm, dè dặt chớ lưu niệm hư không, tự nhiên khiến thân lý hổ thẹn, Phật đạo mình dễ tin, quên tình thì phước lâu.

Tựa Phật Ký của Thẩm Ước:

Vua Cao Tổ đời Lương ra lệnh rằng:” Năm ngoái sai Ngô Siễn v.v... soạn Phật Ký và soạn Bài tựa. Thế bài tựa không xứng, thường sửa đổi vẫn chưa xong. Phật giáo nhân ba giả để gởi pháp, nhờ hai đế để rõ lý, rõ tướng cầu tông không chấp mình hiểu đạo, luận kia chỉ quy đường như chưa đến chỗ cùng tột, bèn không nên dùng tướng phiến đây, cũng là một việc lành, có thể được là lầm bút không lý do, cho nên ra lệnh cho Ngô Siễn v.v... kết tựa ở cuối thế lại dường như hơi khác”. Quan y cứ nói: “Tựa Phật Ký nay cẩn thận dâng lên, lời nghĩa không chấp, cúi xin tự hổ thẹn”. Cẩn khải.

Sắc chỉ rằng: Tựa ký mới được xem, nay ra lệnh sao chép để truyền bá.

Tựa rằng: Hàm linh muôn phẩm, đã chẳng nhớ cho hết, vật vật bầm sinh đâu thể y bụi trần mà tính kể được, đâu không vượt ư? Vô lý

mà đến vô sinh, tuy muốn trọn có nơi mà ban đầu chớ nghe, tự chẳng phải linh chiếu đặc biệt suốt được tông cực ở đây, thì lý che lấp, cơ ban đầu tìm tòi sâu nơi sự dứt. Chẳng phải chỉ có bốn quả không bàn mà vốn hàng Thập địa cũng quên dòm, xa tí nơi mù mịt, có đó mà đâu biết chỗ theo. Như Lai úp sọt ban đầu nói lên đường dài khởi diệt rồi trở về rong ruổi không thôi. Qua lại năm đường, đại thiên sánh với đầu lông, qua lại ba cõi kiếp tăng kỳ chưa đủ gọi là xa, chứa sáng nhóm chiếu niệm niệm không thôi, lia sinh diệt này chứng thành diệu quả, vốn đã không có rơi rớt đâu luống đều đời đời mà thôi ư? Mênh mộng hay nhỏ hẹp, dụ như sự đâu xứng lời. Bậc chí nhân không vì mình đâu cho là nghĩa là quý, bởi muôn hoặc quỵện nhau, mê muội, sáng suốt thay nhay khởi. Nghiệp nhờ duyên khai, sự cần hiểu suốt. Một âm phát ra không suy nghĩ không phục, nghĩa ở theo người, động chẳng phải mình. Pháp như rười khắp không ở ngoài, cam lồ sáng chói ở long cung, diễn mở tông giáo gây ra có tiệm, nêu bốn đế ở vườn Lộc uyển, biện trăm phi ở rừng Song thọ khuếch trương pháp môn không hai, mở rộng đường dài Nhất thừa, mê đi lại có đường, yếu chết biết quy về, mà tự nên quay lại chứ đường kia chẳng phải một.

Sợi lông trắng chiếu đến khắp cõi nước hằng sa, bảy bước đi qua, ủng long được giúp, suy tốt thân đạo nguồn gốc ở tâm linh chỗ bước đến vô biên mà chỉ có thức tác, duyên đó trái mặt mà pháp thành không thấy, và tượng giáo nói là đời mạt pháp kinh ghi ở đông lưu, sườn dốc nóng khó khăn, núi lạnh dài trở ngại. Hạnh viết chữ trái lụy muôn phương chung, lá nhạt màu thành văn lại dịch chưa hiểu. Từ đó đến nay ngàn cúng tế đã hơn nữa, dấu vết linh ứng hơi mở ra, danh Tăng hởi ra, Luật tạng, Phương Đẳng đi đến dần, cất chứa ở Ấn Độ chưa đến phần nhiều là sự sâu xa của pháp thân thường trụ, điều rộng lớn của hai đế ba giả, ngộ đạo cầu tông ở đây có đủ. Mà Năng Nhân lễ đại Thánh làm Bổn sư, mênh mộng quần phẩm, tinh linh lệ thuộc, đến nhân trước nghiệp xưa phần nhiều mê muội, nhưng thần hóa cảm ứng tham gia xen thấy. Lại tên, họ, đất nước ở đời, tục duyên tan ra các bộ khó thảo luận nghiên cứu. Công sức nhiệm mầu như thần đồng nêu ra tên khác. Giáng thai cầu đạo đâu chỉ một tướng, gá sinh Ca-la vốn do quyền tích. Ra cửa Bắc chẳng phải ban đầu của ngộ pháp, chiếu khắp phương Đông há là cùng tốt của thông hóa, chợt đạo đã đến, bốn mươi chín năm diệu ứng sự đã nhiều, nên thêm tập chung để cộng thành bờ ruộng, đến khi kinh tượng xưa chép, cõi nước ghi dấu, công khuyến mở từ đây xa. Đại quyền rộng lớn quên thân giúp vật, ứng chân ngay thẳng, nêu tâm chẳng phải

vì mình, chia dấu vết hoặc khác đến ngọn quyết giống.

Đường thân trách nhiệm xen khó khăn để ức biện, linh quái chứng chạc lời nói ở đây dứt, rỗng của Đồ Trùng thấy Triệu Ngụy, phụng của La-thập nhóm giúp nhau, Kiên-đà đạo gân kinh Lạc, riêng mở xa đến La Phù, tuy dấu vết giống với thế tục mà ý không thể xét. Đường ra cửa ngọc tòa pháp không xa, bảy chỗ tám hội cao vượt ở mắt, linh ứng rất nhiều, khắp giàu mỗi ân trạch cho Tây, quang ảnh sum suê phần nhiều thấy ngoài trời núi, vị Tăng-kỳ lại có chí thường đạo qua, dấu thần chiếu rõ, hoặc có văn chú rườm rà lộn xộn cần phải chỉnh sửa, chưa năm đường ở người trời, lập ngục năng ở đất dày, đều tùy nghiệp lực không sai, đây đều là chân tục cuốn mở, danh tướng trước sau. Đường thánh nhiệm mầu lớn mà xa mù mịt, thì thẳng đến đạo tràng gạn chứng lại rất gần mà nhỏ, thì khuyến khích người học muộn, đây là thuyền phương tiện gồm giúp, là con đường rộng lớn đại bi. Dấu lại trí mờ thấy hình thit thân một thước đánh ngã, duyên động quyết ứng, lại so sánh tiến lên ở đây ư? Do đây bậc chí Thánh hết lòng thương giữ sự hấp dẫn, xem văn thấy ý để lại tương lai.

Hoàng đế hạnh thành không có ban đầu, đạo nương nhiều kiếp, mười hiệu ở thân, ba đạt chẳng ngại, khuất phục nhiệm mầu, ở đây có đồng Chuyển luân. Thương xót người mê mờ từ lâu mờ mịt đường chánh, tức tối luống phát đối ôm lòng kính ngưỡng, dòng nhỏ kéo dài sự rộng khó thống nhất, chí cạn nghiệp nhọc khi dùng đến không thành tựu, chẳng phải chỗ để tránh nhà lửa ra nơi ngã tư đường. Bèn ra lệnh cho Trung thư thị lang Ngô Siển, Thái tử Tảo Mã, ký hậu quân ghi, nhà Chu bỏ, rộng tìm kinh tạng sư tâm lược lật chú thuyết, điều riêng dòng chia riêng để giúp loại. Ngày ít công nhiều có thể dùng đây biện gọi là Phật Ký.

Phàm lệ có ba mươi thiên, trong đó có chuyện cảm ứng sự loại cần giống nhau thì chỉ lấy một chuyện còn bao nhiêu đều không chép. Hoặc sau khi chết mà sống lại bày nói thấy nơi kinh sự hợp tra cứu mà không thể chứng nghiệm cũng không chép giống đó giải quyết nghi ngờ. Hoặc nhờ người dùng lời gá tưởng thành mộng rất khó tin, hiểu một không có chỗ chép. Nếu muốn từ xa đến quyết giáo hóa từ chỗ xa nào đến, muốn ngộ đạo, quyết biết nhiệm mầu của sở tông, rồi mới có thể đầy đủ được môn kia chính thân nương âm chỉ, chưa ai không biết đường do đó chớ nói y người dẫn mắt mờ gót tự cho là hợp lý, cho nên dẫn các dòng kia quy về một nguồn, có thể khiến vô lượng hàm thức trông đường biết xét chỗ qua. Thi thố dồi mài mà nói quay về, không loanh quanh nơi đường

hêm, giúp kẻ thanh tín ấy cũng có được như thế.

Nói rằng: Tôi dùng Phật hóa làm đê ngăn ba ngàn, bao vây tiểu thức thấy gần ở trong, vả lại hạn cuộc Nam Châu (Nam Thiệm-bộ châu), đây thì tính chung cả Thần châu đều nhờ tiếng giáo pháp, vết chân thần, dấu vết đóng ở cơ ban đầu. Tiên Hán về sau theo nhau xuất hiện, Lưu Hưởng so lường sách Thiên Các thường thường thấy có kinh Phật. Huyện Xích núi nứt nước chảy ra, thời thường là điềm tượng đến hiện, hoặc tháp từ đất vọt ra, hoặc Phật giáng ở hư không, sự rất nhiều mối chỉ lược nêu mười mấy việc, có người chưa thấy cần hiển tượng kia nói rằng:

Lược nêu tháp xưa của vua A-dục ở đời Đại Đường nói rõ.

Tháp ở huyện Mậu Cách châu Việt về phía Đông khoảng ba trăm bảy mươi dặm, nhà Tây Tấn niên hiệu Thái Khương năm thứ hai, Sa-môn Tuệ Viễn cảm từ đất vọt ra, cao một thước bốn tấc, rộng bảy tấc, tháp có tầng sắc xanh như đá mà chẳng phải đá bốn mặt ngoài chạm vẽ các tượng khác trăm ngàn ức, Lương Võ Đế làm cái tháp gỗ bao nó lại, tám vua tự lấy kiệu đưa về châu lý, nay thấy điềm thần sáng tiếng thánh Tăng đủ như trong Liệt truyện có chép.

Tháp ở chùa Siêu Hóa của châu Trịnh, cách châu về hướng Nam hơn trăm dặm, nên Chích Biến, nay chùa viện đều thời xưa xếp đá xây tường rất kín, sắt là cốt yếu nhỏ, đá kia dài tám thước, bốn mặt là cốt yếu nhỏ dài một thước năm tấc, sáu năm tấc, dưới đá đều là bùn, nền phía Nam của tháp xuất hiện hơn mười dòng suối dài ba thước vọt lên mà không có tiếng, thường tốt, trong có hình Côn Luân, trong suối hướng tốt dưới đáy chỉ có trụ đá la liệt, cuối cùng không lường được mé của nó, trong có tháp đá ở trong hư không, nước ngưng đọng mà không chảy đến.

Châu Kỳ, huyện Lâm Huỳnh hướng Tây Bắc cách ba mươi dặm có chùa Xá-lợi A-dục, gần đây là ni làm trụ trì chùa, có tháo cổ, trái đá làm nền, từ đáy nước vọt ra tháp ba mặt nước rất sâu, chỉ có mặt phía Tây là thông đường đi xưa chân có lá sen, người sợ không dám hái bẻ.

Châu Kỳ ở phía Nam núi Kỳ có huyện Kỳ Sơn, về phía Bắc huyện chừng hai mươi dặm có chùa Pháp Môn, tháp ở trên Bình Nguyên, xưa nay cứ ba mươi năm mở một lần, mở là chắc chắn có cảm ứng, hiển điềm vui mừng trong năm năm, ra lệnh tăng Trí Tông thường thỉnh có điềm khiến mở để nhờ ánh sáng rõ, kẻ đạo người tục đều thấy, bèn đào ra tiến vào. Niên hiệu Long Sóc năm thứ hai trở về tháp cũ, xá-lợi như đốt xương ngón tay người lớn, dài chừng hai tấc, trong có lỗ vuông, có

ánh sáng sắc trắng như vẽ riêng hình trạng.

Tháp chùa Phước Cảm, dưới tường rào thành đô ở Châu Ích, vốn tên là chùa Đại Thạch, ở đời Tùy ban đầu Tân Luận sư tìm được vết tích xưa kia, muốn tìm xá-lợi đào đến nguồn suối chỉ là một tảng đá, thấy trên tảng đá có ngôi tháp gỗ chín tầng, có đủ linh tượng. Tùy Thực Vương bèn lại đào đến suối, gió mưa áo đến không thể kịp lúc, ở bên phá được một miếng đá, chính là Ngọc Hồ, nay thấy còn ở Châu Ích về phía Bắc trăm dặm trong tháp chùa Bảo Hưng. Dưới thành hào phía Bắc của huyện Lạc, chùa ấy vốn tên là Đại Thạch, việc kia phần lớn giống ở chùa Phước Cảm cách hơn trăm dặm về phía Tây nam của Châu Ích. Đời Tấn, các chùa tháp ở huyện Nguyên hơi giống như trên.

Phía Đông thành Cổ Việt, mé Đông nam cửa Châu Tước, đô Cổ, huyện Giang Ninh, châu Nhuận, trong chùa Phế Trường Can. Xưa vào thời Tây Tấn có vị Tăng là Tuệ đạt chiêu cảm ánh sáng, đào một trượng được ba hộp đá trong có hòm vàng chứa đầy xá-lợi và tóc, móng, tóc đó kéo ra dài cả ba thước, buông ra thì nó xoắn lại hình ốc. Nay có tháp ngói ba tầng và chùa Phật, còn bao nhiêu chỉ là bụi cây rậm rạp có côn trùng lớn, người dơ uest lên nền đó bị đánh kêu la kinh sợ, hoặc có người bị chết.

Tháp chùa Diệu Lạc cách phía Tây huyện Võ Trắc thuộc phía Đông châu Hoài, nền vuông mười lăm bộ và xếp bằng đá, đá dài năm thước, rộng ba tấc, ở dưới rất nhỏ kín. Người già xưa truyền rằng: Nền tháp kia từ trên suối vọt ra v.v...

Châu Qua, phía Đông thành chừng ba dặm, có tháp đất chùa Dục Vương, đời Chu, nay bỏ phế chỉ còn sót lại cái nền, trên dùng nhà che bốn bên bao tường, thường có ánh sáng, kẻ nam, người nữ, việc công, chuyện tư thường qua lại cầu phước.

Châu Thanh, trong thành Lâm Truy có chùa A-dục Vương hình, tượng linh tháp dưới gốc cây to trong rừng câu. Đời Thạch Triệu xưa, ngài Phật Đồ Trưng biết sai đến lấy, đào sâu xuống đất hơn hai mươi trượng mới được.

Châu Bồ Phán, ở Hà Đông, có chùa Dục Vương thường phát ra ánh sáng. Thời Diêu Tần đào được cốt Phật trong hòm đá đựng bằng hộp bạc, chiếu sáng khác thường.

Chùa Dục Vương ở phía Đông Tử thành thuộc châu Tịnh, nay thấy ni trụ trì là chùa Tịnh Minh, mất nền chỗ ở.

Tháp nhỏ ở chùa Dục Vương dưới thành hào huyện Xã châu Tịnh, thấy có Tăng trụ trì.

Tháp Dục Vương ở phía Đông thành của châu Đại.

Tháp Dục Vương cách một dặm về mé Đông của chùa Bạch Mã, thuộc phía Tây Cố đô, châu Lạc.

Đồi đất phía Bắc Nhược Thủy, mé Đông thành của huyện San Đơn, cách phía Đông châu Cam một trăm hai mươi dặm. Người già xưa nói là tháp xưa của vua A-dục.

Nền tháp bị bỏ phế ở chùa Đại thừa trong thành ở Châu Sa, có người nói là tháp của vua A-dục.

Đồi đất mé Nam núi Hoắc thuộc phía Bắc Châu Tấn người già xưa nói đó là tháp vua A-dục.

Trước đã ghi các tháp, đều là ban đầu thời Hy Chu, có Đại Luân Vương tên là A-dục, Hán dịch là Vô Ưu, thống lãnh châu này có hơn vạn nước, sai khiến quỷ thần một ngày mà xây tám muôn bốn ngàn cái tháp, ở Trung Hoa cũng có, thường phát điếm thần rộng như truyện Cẩm Ứng.

Tượng vàng ròng vua A-dục ở châu Dương. Thời Ngô Tôn Hạo, có được ở hậu viên được đó. Hạo ban đầu nằm mộng thấy mà cho là dơ, bị bệnh thủng đau nhức khắp thân, quan Thái Sử bói nói rằng: “Vì phạm lỗi với Đại thần”, Hạo làm lễ tạ lỗi, có người hỏi “Nhờ ông mà khai mở lòng tin”.

Hai pho tượng đá nổi trên sông Tùng Giang. Xưa thời Tây Tấn trong niên hiệu Kiến Hưng tượng nổi lên ở Tùng Giang, có cư sĩ Châu Ứng vớt được, đưa lên cao bảy thước, ở chùa Thông Huyền, thấy sau lưng có bài minh, một tượng tên Duy-vệ, một tên Ca-diếp.

Chùa Trường Sa ở Châu Kinh có điếm tượng. Đời Đông Tấn hiệu Thái Nguyên năm đầu thấy thành Bắc của châu, người đi đường thấy lạ bèn thử, dùng dao chặt thì thấy là tượng vàng. Tảng ở chùa Trường Sa rước về chùa, trên ánh sáng có chữ Phạn là “Dục Vương Sở Tạo”, Lương Võ Đế nghe nói rước về kinh đô, phóng ra ánh sáng rực rỡ, đến khi nhà Lương mất bèn rước về Kinh châu, đến nay vẫn thấy còn. Điếm lành ánh sáng nhiều đời không thể chép đủ, như có trình bày riêng.

Tượng Đàn Ưu-diên Vương ở chùa Đại Minh, tại châu Kinh. Lương Võ Đế, niên hiệu Thiên Giám năm đầu, nằm mộng thấy tượng đàn vào nước, bèn chiêu mộ được tám mươi người đến Thiên Trúc, đến niên hiệu Thiên Giám năm thứ mười mới trở về, Võ Đế đã băng hà Nguyên đế lên ngôi ở Giang Lăng, sai rước về kinh đô, sau chùa Trắc Lập ở Tịnh Lăng do đó đặt tượng.

Tượng A-dục Vương ở chùa Trường Can tại châu Dương. Trong

niên hiệu Hàm Hòa đời Đông Tấn ở Đôn Dương thuộc Doãn Cao.

Lý thấy bến sông Trường Hầu có ánh sáng, liền sai người tìm thì được một tượng không có ánh sáng và mu bàn chân, thuận đến chỗ Trường Can thì trâu không chịu đi nữa, do đó buông ra trâu bèn thẳng đến chùa Trường Can. Sau mấy năm, người ở biển Đông được mu bàn chân bằng đồng nổi trên biển, do đó đưa đến tượng quả nhiên giống. Bốn mươi năm sau lại được ánh sáng bằng đồng dưới đáy biển Nam, bèn đưa đến chỗ tượng quả nhiên phù hợp, từ Tấn, Tống, Tề, Lương, Trần, Tùy, Đường bảy đời không đời nào chẳng vào chùa cúng dường, diễm ánh sáng như đã nêu. Nay chùa Đại Hưng Thiện tại kinh đô bất chước vẽ tượng.

Cách Châu Lương về phía Nam chừng trăm dặm, có tượng đất đi trong vách núi. Xưa cháu của Thư Cừ Mông Tốn là Vương Hữu Lương Thổ chuyên làm việc phước, ở trong vách núi tạo hình tượng lớn, ngàn biển vạn hóa làm hoa mắt người, có tượng Thánh tăng bằng đất giống như người, thường tự kinh hành, không lúc nào tạm bỏ, xa thấy liền đi, người đến liền dừng, xem diện mạo kia giống như người kinh hành, rây đất ra mặt đất, sau xem vết chân đóng vào, nay thấy như thế.

Chùa Đan Khê ở châu Tương có tượng vàng đi. Trong niên hiệu Ninh Khương đời Đông Tấn, Sa-môn Thích Đạo An làm vừa thành tự đã đi đến muôn núi, sáng lại trở về chùa, đêm đó lại ra đến cửa chùa, đến núi đập đá hiện ra tướng một chân. Thời Chu Võ diệt pháp, đàn áp con cháu phò tướng thông minh. Triết chí tánh hung bạo trước muốn dứt trừ, khiến cả trăm người dùng dây buộc cổ kéo ra bất động (tự tử), Triết rất giận bèn giết thêm năm trăm người mới ngã xuống đất. Triết vui mừng rất xuống ngựa bị chết. Ngay khi hủy tượng ở dưới vách rớt xuống bài minh trong áo rằng: “Tượng này năm Giáp ngọ thời Tam Chu sẽ diệt” khám nghiệm thời đại phần lớn là phù hợp. Chỗ đập đá kia ở chùa này nay gọi là mở pháp.

Diễm tượng đá ở huyện Phiên Hòa phía Tây Châu Lương. Trong niên hiệu Thái Diên thời Nguyên Ngụy, có Sa-môn Lưu Tát Hà đi đến phía Đông bắc của Phiên Hòa hướng về hang Thần Ngự lễ mà nói rằng: “Trong núi này có tượng Phật xuất hiện, nếu tượng không đủ thì nước hoại người khổ”. Tám mươi bảy năm sau, vào niên hiệu Chánh Quang thứ nhất gió mưa chấn động núi, tượng xuất hiện cao ba trượng mà không có đầu, Đấng liền ra lệnh làm đầu cho tượng vừa đặt lên liền rớt xuống. Đến đời Ngụy, đạo lăng trì chia Đông tây. Sau bốn mươi năm, cách phía Đông của châu này bảy dặm, trong khe nước được đầu Phật

bằng đá, liền đặt lên tượng y nhiên phù hợp. Trong niên hiệu Bảo Định nhà Chu đầu tượng lại rớt xuống. Năm đầu đời Tùy lại lập chùa Thụy Tượng, che mắt nhà vua lúc chinh phạt phía Tây đi ngang qua, bèn sửa tên là chùa Cẩm Thông, nay họa vẽ phần nhiều y lượng bắt chước theo đó làm chuẩn.

Bóng tượng đá chùa Sùng Nghĩa tại kinh đô, hình cao tám tấc, thẳng năm tấc tám lạng sắc đá đỏ tím rất đẹp. Vào niên hiệu Thái Thanh thời Lương Võ Đế, có vị Tăng từ nước ngoài sắp đến, gặp loạn bèn đặt tượng lên đánh Lô Sơn, Tùy Dương ở Phiên trấn thuộc Giang Dương thấy, riêng ghi nhớ đến cầu mà được tượng, bèn lên Trữ Nhi đưa về chùa Nhật Nghiêm ở Khúc trì, chùa bị bỏ phế lại đưa vào chùa Sùng Nghĩa. Ở kinh đô kẻ đạo người tục đều được thấy nhưng thường thì khác nhau, người thấy là Phật kẻ thấy là thần, núi, rừng, lọng báu, cờ phướn, trước sau, đồng khác. Niên hiệu Trinh Quán thứ bảy vua ra lệnh rước vào cung.

Thụy Tượng quặng thiếc của cung Ngọc Hoa ở châu Phưởng. Chu Võ diệt pháp, có Khương Minh làm Đốc sự đi đêm thường thấy nên núi có ánh sáng, sáng ra đến tìm thì có thần đá hình dáng như tượng, liền đào bốn bên, thì chính là quặng thiếc không thể làm thương tổn, gỡ thân ba trượng thì trong lòng có mu bàn chân, bèn cùng người trong thôn nâng lên mà không được, bỗng nhiên ở hạ lưu chảy thẳng đến lỗ dấu chân, đứng lên nổi bật, hình dáng giống như râu, thời là lúc tế Thiên Nguyên, đổi niên hiệu là Đại Tượng, ra lệnh chỗ ấy lập chùa Đại Tượng, nhờ đó khai mở Phật pháp. Đời Tùy năm đầu đổi thành chùa Hiển Tế.

Thái Tôn khi ở trong cung thường đến lễ bái sửa sang trang nghiêm, Đại uyển nội cách cung ba mươi dặm về phía Đông, trong niên hiệu Vĩnh Huy sửa thành chùa Cung Lập, ban đêm tối mịt thường phóng ánh sáng.

Thụy Tượng Lô-xá-na của chùa Hoa Nghiêm trên núi Nghiễn tại châu Tương, vốn là tượng cổ đời nhà Chu, thời Phật pháp bị diệt đem giấu nên còn đó. Mỗi khi có tượng không lành dùng nước mắt chảy ra làm thời kỳ. Khi Tùy Văn Vương sắp băng hà thì một lỗ mũi chảy nước ra thấm dơ ở lớp vàng mỏng khiến bị tróc ra, dù sửa sang tu bổ lại nhưng vẫn khác, tháng tư năm cuối niên hiệu Trinh Quán tượng khóc liền tục không dứt, chảy nước mắt dơ cả ngực bụng vuông vức chừng cả thước. Thái Tôn băng hà mới nghiệm ra điềm trước. Đến tháng sáu lại chảy nước mắt nữa, hợp cảnh đồng sợ. Đến tháng bảy thì nạn hồng thủy ngập tràn thành quách sâu đến hơn trượng, nay thấy vẫn còn.

Đời Trần, điện Trùng Vân bay ra biển, điện này Lương Võ Đế lập, trong đặt tượng và các đồ quý báu. Nhà Lương mất nhà Trần lên, Võ Đế đã băng hà. Khi cần đồ mai táng, muốn lấy bức trướng châu ngọc trong điện, nhân lực đã đầy đủ bốn bên đều đến, bỗng thấy mây khí vây quanh, mưa lớn trút xuống, sấm chớp liên hồi, hàng trăm nhân công bỏ chạy. Lại thấy lửa dậy trong hư không, rải ngọn lửa nối nhau, tượng Phật và tất cả đồ trong đại điện Trùng Vân bay lên trên khói lửa, nương nhau sáng rỡ bay về hướng Đông. Quốc sĩ ngược xem mút mắt mới dừng, mưa tạnh mặt trời lại xuất hiện. Hơn tháng sau có người từ châu Đông đến nói ngày ấy thấy điện Phật nương hư không ra biển. Ngày nay khi trông ra biển thường thấy. Chùa Vĩnh Ninh ở Lạc Kinh đời Nguyên Ngụy, tháp trời chấn động biển Đông sự tích kia hơi giống như trên.

Thụy tượng Văn-thù-sư-lợi ở Lô Sơn tại Châu Giang. Xưa, đời Tấn có vị danh thần tên Đào Khả Kiến. Có ngư dân ở biển Nam thấy trên biển có ánh sáng, mới tâu Khả Kiến đi tìm, bỗng chốc thấy tượng vàng lấn sóng đến bên thuyền, tiếp được bài minh nói chính là tượng Văn-thù do Dục Vương làm. Bèn rước đến chùa Hàn Khê ở Võ Xương, sau đời Kinh Châu rước tượng lên thuyền, thuyền liền bị chìm, Pháp sư Viễn liền rước vào Lô Sơn thì không có chút trở ngại, nay để ở lâu Đông Lâm trên núi.

Phía Bắc chùa Tương Tư cách Châu Du về phía Tây trăm dặm, trên núi đá có dấu vết mười hai pho tượng Phật, đều cao ba thước, rộng một thước một tấc, sâu chín tấc, trong có vẽ cá, ở phía Bắc Phật đường chừng mười lăm bộ thấy có Tăng ở.

Có hơn ba mươi Phật tích trên đá về phía Bắc chùa Linh Khám, huyện Hưng Ninh mé Đông Bắc châu Tuần, tượng lớn cao năm thước trở xuống.

Chùa Đại Hưng Thiện ở kinh đô có điềm linh xuất hiện tượng Phật, cốt Phật và răng Phật v.v...

Ở châu Phủ, vào niên hiệu Hiển Khánh có tượng đi ở châu Đàm, tự dời đến châu Phủ về phía Đông khoảng hai mươi dặm. Con đường trong núi hiện hai dấu chân, dài ba thước, cách nhau hơn năm trăm dặm. Ban đầu không biết là tượng đi đến, có người thấy ở trong núi cho là quái lạ, bảo khắp người xa gần dời đến chùa mà không lay động được tượng. Quan Thứ sử và hạ quan cùng mọi người hết sức hối hận, đi đến bên tượng xin thỉnh về chùa ở châu này (Phủ) thì chỉ cần ba người là nhắc bổng lên và về đến châu, đi tời đâu mây che đến đó, đêm ấy trời

mưa to, mọi người cho là năm ấy sẽ được mùa. Nay vẫn ở châu Phủ.

Đời Tùy, điện Phật chùa Hưng Hoàng ở châu Tương bị cháy, tượng đồng trượng sáu ở ngay dưới rường, lửa phát cháy cây rường rơi xuống, vô tướng tự dờ qua mé Nam chừng năm sáu thước, hình tượng được an toàn. Bốn mặt ngói, đất, tro, lửa, cách tượng năm sáu thước lại không có một chút bụi nào dính. Nay tượng ở chùa Bạch Mã, chim chóc không dám đến làm dơ.

Chùa Tam Học Sơn ở châu Giản có Phật tích, mỗi đêm đèn thần ở hư không, từ xa thì thấy, đèn gần lại mất đến đêm lục trai (sáu ngày chay) thì đèn càng nhiều.

Con Sông Từ Ô phía Đông bắc chùa Ngọc Hoa tại châu Phường, trong niên hiệu Võ Đức, người dân ở Hác Biện có lòng tin Phật, thấy bầy nai thường ở bên núi, lấy làm lạ bèn đào chỗ đất kia được một tượng bằng đá, cao bốn năm trượng bèn dời ra ở châu nơi nhà mình, tượng kia tượng lớn giống tượng ở chùa Ngọc Hoa phía Đông. Người già xưa truyền rằng: “Thời Phật Ca-diếp núi này giấu hơn bốn mươi tượng nay mới xuất hiện có hai, còn bao nhiêu chưa xuất hiện. (Một tượng xuất hiện ở châu Lương cũng giống).

Phật đồng bốn mặt ở huyện Sa Hà, Châu Na, cao chừng bốn thước. Đời Tùy, ban đầu có người vào núi thấy Tăng giữ gìn vô tướng đây, do đó xin cúng dường. Vị Tăng sau mất ở chỗ đó, người kia muốn đem ra mà không nhúc nhích được, người các nơi nghe đến giúp sức dời mà cũng vậy. Tăng ở chùa Sa Hà nghe, đến thừa dẫn tượng liền đi đến chùa. Về sau người ở bên chùa được một thỏi vàng, trên có hình con chim, có bài minh rằng: Bắt chước mạ tượng Phật bốn mặt, do đó lấy vàng mạ lên vô tướng thì trên tượng Phật đầy bóng chim. Sau vua nhà Tùy nghe có điềm lành bèn sai thợ bắt chước mà đúc, đúc mãi không thành, lại có khuyết thiếu, trải qua hai trăm ngày bèn thôi, nay vẫn ở trong chùa.

Từ trước đã nói tháp Thần thụ tượng khai tục dẫn phàm mà chưa rõ sâu, do đây phát lòng tin, đã tin tướng đặc biệt mới có thể nhiếp tâm. Dem kinh thảo luận giúp mở thần giải, mới biết bốn ma thường quấy nhiễu, sáu giặc thường xâm lấn, biết mà lại sợ, siêu phương có ngày, không như vậy thì đắm chìm lại đồng từ vô trí. Hoàng sáng đạo há lại có như vậy ư? Còn như quyển kinh không bị cháy thì phù hợp với sợ tẩm giặt, sách chẳng ướt thì đồng với lọng trời, chùa Thánh thường bày, tiếng chuông vang xa gần, thần Tăng thường hiện, nhận cúng dường chung cả đạo lục, các chuyện này chép đủ trong Cảm Thông Ký.

Chiếu dụ xá-lợi Phật dưới tháp Dục Vương xưa xuất hiện của vua Cao Tổ đời Lương.

Tháng tám niên hiệu Đại Đồng năm thứ tư, mặt trăng phạm năm xe, người già xem sao hỏa bảo sửa chùa Trường Can, tháp vua A-dục, xuất hiện xá-lợi, tóc và móng tay Phật. A-dục là Thiếc luân vương làm vua một thiên hạ cõi Diêm-phù, một ngày đêm sai quỷ thần làm tám muôn bốn ngàn tháp, đây là một trong số kia. Cưỡi kiệu đến chùa Trường Can lập pháp hỷ thực vô ngại. Ra chiếu rằng: “Trời đất đầy hay trống cùng thời tiêu dứt, muôn vật không được đồng với côn trùng kia sinh, hai nghĩa không được hằng kia che chở, cho nên nhọc nhằn khổ khác năm, vui mừng đau đớn khác ngày. Năm ngoái mất mùa lúa thóc đất đỏ, người dân khốn cùng bèn lạt đến đây. Nguyên tình xét lỗi, hoặc có khi đáng thương xót, dưới xe hỏi tội, nghe các nơi đến báo cáo. Đứng đầu trả nợ là thân trầm, nếu đều dùng sợi dây pháp thì tự không có đường”, sách không nói như vậy sao? Cho giết người không tội, thà mất chứ không làm. Kinh Dịch nói: “Nghĩa tùy thời là lớn”, nay chân hình xá-lợi lại hiện ở đời, gặp việc ít có, nghĩ là khó gặp. Nay ra chùa A-dục Vương nói hội vô ngại, già trẻ đều vui mừng như đói lâu ngày mà được ăn, như người thân xa cách lâu ngày mà được gặp, chỗ u hiển đều quy tâm, xa gần đều kính mến, nam nữ như rải ráng trời, mũ lọng như mây che, nhân trời rải đức đầy khắp nhân linh, những người tội trong thiên hạ bất luận nhẹ nặng đều được tha thứ.

Tháng bảy niên hiệu Đại Đồng năm thứ tư, ra chiếu chỉ rằng: Lòng từ như trời che khắp, nghĩa không đâu chẳng nhiếp, phương tiện lợi chúng sinh đâu có nơi chốn. Có người dân huyện Thượng Ngô là Lý Dận Chi đào đất được một ngà voi vuông chưa đến hai tấc, hai bên đều hợp thành hình thú, trong đó một bên tượng Phật mười hai thân, một bên mười lăm thân, khắc vẽ sáng sạch khéo léo tuyệt vời, e rằng thần linh chỗ làm thành chứ chẳng phải công sức con người, trong có sáu chân hình xá-lợi.

Châu Đông, lúc xưa có tau, trên chưa cho là ý mà Dận Chi bị ngậm hàm thiếc và dây trói đồng trị, chân hình xá-lợi giáng ở trong, ánh sáng hiển phát bày tướng ít có, đại bi cứu khổ rất có lý do, nên nương Phật lực hồng từ rộng lớn. Nếu tội nặng hay nhẹ trong thiên hạ ở ngày 16 tháng này chưa sáng về trước đều được ân xá, lúc mặt trời xuất hiện khâm phục khát ngưỡng rước pháp thân trở về đài mà cúng dường.

Dâng bài tụng cây Bồ-đề của Tấn An Dương Cương, đời Lương.

Quan Cương nói: “Thần nghe Kịch Viên xướng nhỏ có kính mến

phong nhã, người nước Ba cặn khúc thật kính mến dương xuân. Vì vậy cây hương dương lá nhỏ còn ngửa lên mặt trời, ánh sáng nhỏ của bố đốc mà không thể tự tắt. Cúi xin Bệ hạ chí đức khâm minh, đạo nhiệm mầu rộng lớn, chính là Thần là Thánh đạo vượt hiên Quy, Chánh giác Chánh chân công phu tròn đủ, thường trụ là vui, pháp hỷ là ngọt, mưa từ giúp người không có căn lành, hiểu thấu suốt giáo hóa sâu rộng chốn u hiển. Cho nên tám gió điều hòa bốn mùa đúng lúc, định thiên hạ, an ngoài biển, mở rộng hang rồng, nối thanh pháp núi Thứu. Không trụ vô vi thật thương xót chúng sinh, dùng vô tướng dẫn dắt về cõi chân, khuôn phép đạo thọ đầy hiển mặt vàng đầy, khiến người thệ nguyện kết nhân, người đánh lễ thêm phước, gặp đường đã là một, xưa nay gì là hai? Xin lấy đồ để nêu, nương bày dâng bài minh, mở điềm lành bài tụng Sơn Hưng trong Huỳnh Long. Thần dẫn rằng: Chẳng thông minh, thật có ngu ý, kính dâng một bài tụng “Cây Bồ-đề” học cảm tạ xét xưa suy nghĩ chẳng phải trầm uất, không đáng để sáng soi, thanh đức phảng phất một góc, an ủi vỗ về lời thô thiển nơi giấy xấu hèn, kính cẩn xin!

Tay sắc lệnh xét mở, xem bài tụng “Cây Bồ-đề” đã dâng, nhất nhạnh có ra lời hay ý trong sạch, ngược khen Pháp Vương ca ngợi đạo thọ, ý nghĩ miệng nói cho đến tay viết, ba nghiệp đều lành, nhưng chỗ nói nước tốt đẹp đều là việc chẳng nên làm thật là lỗi nói lời thêu dệt. Việt sắc chỉ.

Bài tụng “Cây Bồ-đề”:

Trộm cho là nhân duyên giả có, chúng sinh kẹt ở căn. Pháp vốn là không, diệu lý của bậc chí nhân cho là ba cõi sáu đường vòng quanh nghiệp chướng mà tự mê. Tám môn giải thoát, mười trí dẫn dắt quy tôn mà trống rỗng. Vì thế Đại sư Năng Nhân tùy duyên rải đạo, xót xa nhà lửa đã bốc cháy, thương cho dòng đục hằng kinh khiếp. Gá thân cung Bạch Tịnh soi sắc tướng vàng ròng, ở đây ba hoặc chỉ bày vẽ hòm chẳng phải chân, ra bốn cửa kia sợ mây nổi dễ tan mất. Vì vậy mở mặt trời Phật, sấm sét pháp, bày tiệm giáo, hàng phục dấu vết quyến hiện, Tam bảo hiện ở đời, một đường biết trở về, rộng tiếp độ chúng sinh cứu người chưa được độ, mây pháp nước pháp khắp thấm nhuần, đồng với vô biên thế giới, đèn trí đốc trí sáng rực, đồng hư không chớ có hạn cuộc, vật nhân khó lường, hóa duyên sắp dứt, rừng mở cây trắng, ngày sáng xanh cảnh. Thương thay! Sáu thức trầm luân nơi tám khổ, không có Đại thánh ai làm cầu tuệ. Hoàng đế thể rộng lớn sáng suốt bao trùm, bao gồm thuần thành của trời đất, chiếu thần gương ngọc, nắm vận thái bình, nuốt Ngô, mang thai Hạ, che trùm nhà Hán, nuốt lông nhà Chu. Ngự sáu khí

mà con chúng sinh, quạt hai nghi khắp hưởng độc, sợi ngang sợi dọc của nhạc, kính lễ, im lặng võ đao, làm văn chương. Rau đỗ mùa thu không có cỗ bàn vật liệu nghiêm chín luật, mưa xuân mển sống, giải giềng mối kín của ba thân, vốn để linh hàm trì tự mất, nước sông phân đức biết hổ thẹn, Thiếu Dương khuyến khích thiện ở nguyên chân. Quan Phiến biến vị ở áo tang. Người tám khả ba tòa chín gai bốn liệu, trong Tuyên Vương việc chở kế sách đi ngang, chuyên thành tướng đẩy trục xe, ngoài giữ biên cương một đồng khuôn khổ văn chương, muôn phương cùng suốt đầu xuyên ngực chạm ức, sư thân ngắn tay dài. Nung đá Nam Việt, cát trời Bắc cực, nhánh mặt trời xa tít phía Đông, giềng mối mặt trăng vượt qua hướng Tây, đầu không nhờ núi nhọn, núi treo lên chót vót vượt xa giấy mực. Tàu biển đập chỗ sâu, lông nổi trên sóng mang phương vào cống, tiến cử người trung, mời quan chức, dâng chim đồng tâm, cống thú đồng vai. Bấy giờ bèn tốt đẹp tranh phát điềm lành báu. Linh chi vọt bầy mặt trăng vườn Giao cỏ um tùm. Nghĩa phụng, nhân từ của hổ, ngày nghe nước Quận. Như ngọc như châu, đã vậy thêm đèn soi trong cửa, như mây mà chẳng phải mây, cũng bồi hồi ở cung Trĩ.

Vì vậy điều khiển lê dân ở nhân thọ, giúp siêng trồng chỗ hào sâu. Năm trước mùa dân ân cần nhà nhà đầy đủ, đốm trắng không nêu ra, đồng nhà có khen ngợi, theo thiện như dòng, ứng gió như cỏ, mở nông vụ vốn đúc đao, tiêu, phong hột đỏ đầy ruộng, vẹt xanh giao suốt. Trên chiếu trời, dưới lọt suốt, trời đã thành, đất đã bằng, Thiên tử bèn đều thương bốn loài như con một, bầy nhân hạnh vua, nêu ra đường cốt yếu, rộng bày đạo tràng diệu pháp rộng lớn, bàn báu Niết-bàn. Xét chúng mê hoặc ở trái dòng, ánh sáng từ bi chiếu quần mê nơi chưa hiểu, pháp luân khắp đại thiên, mát mẻ giúp hàng Tiểu thừa. Cho nên trời người ca múa, bỏ vườn soi mà khen tốt, Bồ-tát Phi Tượng vượt cõi thơm mà đến nghi, năm trăm lọng báu vọt ánh sáng rồi tự hợp lại, mười ngàn anh lạc treo hư không mà rớt xuống. Khám thất trang nghiêm, cõi nước đặc biệt, chế điện ba thời, xây đài bốn trụ, dầu Hán Hậu trông cung thần, Hiên Viên đợi xem tiên. Từng đầu đủ phảng phát mây báu, nghi hình đồng giáo. Vì vậy tướng mới thành đạo dựng cây Bồ-đề, bốn biển trình của báu, trăm thợ bày khéo léo, chạm vàng khắc ngọc, nối gương treo châu, chế giống núi tuyết, hình đồng lòng bay, bốn phương che mát năm mặt lợi ích chúng sinh, danh cao khắp mặt trời, ân vượt cùng chốn, và cây đẹp ngàn ánh sáng, sáng chói hoa năm sắc. Mặt trời xanh rử vẽ màu, đai ngọc sinh khói, gió nhẹ chầm chậm lay cành báu thành nhạc, nghiêm nhiên sắc kỳ diệu che chói cành cây này, hiển như núi vàng,

đặc tôn như trăng nhóm. Tín nữ ban đầu dâng trăm vị, chư Thiên cúng bốn bình bát, rải cỏ cát tường, luôn nhớn như chim tước xanh, hàng phục ma gây sấm, khiếp vía quỷ gánh non, chất ngọc kỳ diệu không thể nói xiết. Đây thật là diệu duyên sinh thiện, là phước sâu tiến tu hành. Ngay lúc này dấy lên sự tốt đẹp giúp đời chưa nghe, mới ứng chiếu đức không cùng, treo mặt trời mặt trăng, vọi vọi hăng vui, vạn vạn năm, đây xin làm bài tụng rằng:

Sử dài xem chép, bài linh gương mờ, sách báo sum suê. Vua mưu đồ che ánh sáng, chim ghi khen lành, rồng viết nêu mển, đức rải chín châu, năm huyền làm vịnh, đuốc này lớn thay!

Đại Lương mở Thánh, công trùm trọn xưa, nghiệp cao thọ mạng, kim luân giáng đạo, ngọc hoàng giúp chánh trị, không suy nghĩ chẳng phục, có đức này thanh, Nhất thừa chở ra, năm mắt thanh tịnh, bảm thức vui ca, côn trùng được tánh. Bếp nhà Thuần có hoa sen linh, sân nhà Nghiêu đậu thần, đầu bằng đạo thọ thấm ướt rộng lớn, chẳng thấm rử ánh sáng, cỏ thơm chồng chất, thời động trăm hoa chợt mở ngàn lá, hiện pháp thân kia, vẽ diêm lành này, sáu ghe vượt biển, thành an bốn nhiếp, đầm tuệ đã lan gió thuần thổi khắp, cảnh trí ngừng sáng, suối pháp lặng sóng, trăm thần khát ngưỡng, ngàn Phật xưng truyền, vẽ vang động chiếu đèn ngọc hòa cả bả, Bồ-đề thường lập, sóng như trường tuyên, minh hậu tráng lệ, vạn thọ như trời.

Văn Xướng Đạo của Giản Văn đời Lương.

Mười điều ác duyên mạnh dễ mê hoặc tâm người, muôn điều lành sức yếu khó cảm tánh linh, ngăn chặn đến lửa, lập chí đạo tràng. Tát-đỏa bỏ thân quyết lên Diệu giác, chúng sinh nhóm nhiễm, trôi nổi không trở về, biển khổ dễ chìm, sóng từ không giạt vào bờ được. Khát ái và sinh tử chung cửa, vô minh và lưới kiết sử chung đường, đều đến trăm ghi, ràng buộc bốn khổ. Người suy nghĩ chung sức rẻ ba minh kia, do đó Như Lai nhân căn cơ lập pháp giáo hóa, như đại y vương tùy bệnh cho thuốc. Nay ngay nền mở mang, ô trời lưới đất, quạt gió nhân nơi vạn cổ, sửa đời quý ở trăm vua, che chở chúng sinh, từ bi giúp lê dân. Bờ trời mé biển, thờ nghĩa ăn gió. Ôm (tổ) điều, thổi môi, ngậm nhân, uống đức. Dân không hiền giống ái đều một con, mọi người đều phải khắc phục lòng mình, thành thật lóng tâm khiêm cung, vâng lời kính lễ bậc chí tôn là Phật Thích-ca. Văn ở thế giới Ta-bà, Phật Chiên-đàn Đức Tôn ở thế giới Hoan Hỷ, Đức Như Lai Nguyệt Điện ở thế giới Thủy Tinh, Phật Sơn Hải Tuệ ở thế giới Bảo Minh, cúi xin chư Phật cùng trời đất hưng thịnh, ánh sáng từ, cùng mặt trời, mặt trăng đồng chiếu, chín

cõi được thấm nhuần ân trạch, tám phương kéo dài ân nhân thọ. Đèn vua, mặt trời đẹp chiếu đến phương xa, kích phát khúc ca đầy đủ thiên hạ đều nghe. Kính do tâm khởi, năm lễ do ngoài cung kính. Tình phát ở trong, sáu thức vì vậy mà khắp đến. Cho nên một việc lành thấm vào tâm muôn kiếp không hư hoại. Trăm đèn chiếu rộng ngàn dặm chung sáng, nhờ pháp được an, nhóm lành điều vui kéo dài.

Ngày nay may mắn gặp lời dạy này, đâu lại không hết lòng vâng làm, làm Hoàng Thái tử kính lễ Phật Bảo Hải ở phương Đông, Phật Đăng Minh ở phương Nam, Phật Vô Lượng Thọ ở phương Tây, Phật Tướng Đức ở phương Bắc. Cầu xin như lưu ly trong sáng rỡ, hợp với ngọc bích bên ngoài. Ngọc chấn mây nổi, vàng nêu rõ gương biển, nhan sắc mặt trời, bốn thiên nổi gió, đã giởi về đức ôn văn, thật khéo trọng lạt quốc, chúng sinh uống đức, hữu thức ăn nhân?? hòa nội hóa, sự sáng rỡ kinh nhà Chu, khen đức hàm chương, dạy cao trọng sách sử. Cho nên để phối chánh thờ trời, nêu bảy giáo ở nhân đức, tuyên giáo nổi tuệ, mở mang sáu phục ở ôn từ, đều nên nhiếp tâm vâng nhờ làm Quý Tấn quy mạng kính lễ năm mươi ba vị Phật, ba mươi lăm vị Phật ở tương lai, Hiền kiếp một ngàn, hiện tại một trăm bảy mươi vị. Cúi xin tướng mặt trăng đồng với muôn thiện đều dừng, vàng thính cùng bốn thời đều giúp, khởi bảy báu để chiếu sáng rỡ, hỏi mười trí ở thường lạc, khuê môn giữ thờ lòng nhân, cung các chứa khâm đức, sáng đồng điệp bích, rực rỡ như ngọc Côn.

Thường nghe núi Tung cao chỉ có non Nhạc là che Hoàng Gia, Tông Tử duy trì thành kiên cố như bàn đá, cho nên Thích Quân, Lỗ Vệ Nhậm đồng như Tiêu và Tào, ba đài giữa tòa ngời mà bàn đạo, chín quan ngọc cần vui ở việc khó khăn, nên đều vận tâm thờ phụng làm Lâm Xuyên An, Thành Kiến An, Phiên Dương Thỉ, Hưng Dự Chương, lại phía Nam Khương Lô và Lăng Tương, phía Đông Võ Lăng các vua nhà nước thuộc sáu ty đánh quý, quy mạng kính lễ xá-lợi, hình tượng, cây Bồ-đề, tháp Đa Bảo vọt lên hiện xá-lợi Đức Thích-ca. Cúi xin tâm gương ngưng sâu, thân trong sạch cao vọt. Khắc giáng xã tắc vua hằng tươi tốt cảnh chúa, mọi người đều nhất tâm quy y nương tựa Tam bảo, ba cõi khác thuật, năm đạo chia đường, trời người đồng nghiệp đều quy về một quả. Quỷ thần lôi kéo quả báo, sự tỏ rõ đường tối. Cõi lành hoa quả đã trái chánh lực, năm trước tâm phiền càng khởi nhiều não lụy dầu là thông minh chánh trực, cúng tế ba sinh chưa thiếu kém âm dương không suy lường, sáu căn trệ còn nhiễm. Mọi người nên đều bày thành khẩn vì tám bộ trời rộng ủng hộ tháp Thiện Vương, cho đến Tu-la tám

tay, Ma-hê ba mắt đều là kính lễ tôn kính, chánh điển, thanh tịnh Bát-nhã, rớt ráo Niết-bàn, văn Pháp Hoa một hội, Tịnh Danh nói không hai, nguyện tất cả thiện thân dứt hẳn vô minh, vâng theo chánh bản, nằm ở cung báu, ngồi chỗ Hương Tích. Đế Thích sâu rộng, đi thuyền Bát-nhã, Tịnh Cư chìm sâu, cưỡi xe trâu đẹp, ân thăm ba cõi, soi rõ Tứ Thiên đại bi cứu khổ, việc sáng kinh trước, mở lòng từ ban cho niềm vui, nghĩa cao, danh thuận.

Vì thế linh huyền giáng tích ra vào khác nhau, Bồ-tát vị yên, hiển thông minh nhiều thuật, vô biên kịch não, quạt tám khổ nơi đường tu, có tình ràng buộc. Nhiều sáu đường nơi hiểm nạn, xích vàng, giường ngọc còn nghĩ giải thoát, khắc châu ngọc trang sức trân kỳ không kịp giữa đường. Còn như bập bênh gió nóng trời nổi sóng nước. Nhà tối ngàn lớp, thành đen trăm nhận, vòng sắt nát thân, trụ đồng cháy ruột. Bên cạnh có ra đao nhọn, trục ngang, kiếm bén, các khổ như vậy rất là nguy hiểm. Một hơi không theo thì vạn kiếp lia hẳn, sát-na tạm dứt thì ngàn đời lia xa, chung nhau cùng gá huyện chất bào thai ở Diêm-phù, huyện chất dễ vỡ, có nạn phù du, gió sấm rong ruổi thành khó thể trụ. Huống chi ba tướng đều nhăn nheo, hai chuột đục khoét, tên độc rắn dữ rất là đáng sợ.

Ngõ hầu nhờ chánh pháp cứu lụy nhiệm này, hưởng lâu trăm phước, dứt hẳn sáu trần, đối đến không bờ cõi, chỉ có Phật là đáng nương tựa. Nay vì sáu đường, bốn loài, ba nẻo, tám nạn từ bi khẩn cầu nhất tâm khắp lễ Bồ-tát thập trụ, Thanh văn ba hạnh, lạy Quán Âm cứu đời, Bảo Tích dâng dù lọng, Đại Thế Chí phương Tây, Diệu Âm phương Đông, hai vị Đại sĩ Tứ Biện, Tịnh Danh, Loa Kế, Châu Đảnh, Thiện Túc, Di-lặc, Văn-thù, Kim Cang Tạng, Giải Thoát Nguyệt, Khí Âm Cái, Thường Cử Thủ, mười đại đệ tử và năm trăm La-hán, nguyện ngục tù rỗng không, tật bệnh phiền não tiêu dứt, trăm huyện trong thành, ngàn thành ngoài phương, phạm ở chỗ tối tăm chật hẹp đồng được rộng rãi thoáng đảng. Người chung sức che chở rắn, tục hóa giúp đỡ giúp hàm sinh không rách nát, người uống thuốc chậm không chết, cùng nhỏ kiếm không lự thương, hàm sinh không tan nát, chuyển chết tự sống lại, cầu Vị ngày no thuốc dẫu không đối đóng kín ba đường, đánh tam địa ngục, phá binh chúng của ma, hoại quân sinh tử. Diêm-la phát tâm mười điều lành, đầu trâu mở nghiệp năm giới, như cá thiếu nước, như chim chẳng có (cây) rừng, một phen nghe pháp âm liền bỏ chất dơ ứ người vạn năm thể quy mạng Tam bảo.

Văn lễ Phật phát nguyện:

Phàm chí giác vắng lặng vốn bật tiếng tăm lời lẽ nhiệm mầu trông rộng vốn lược nơm tượng, dấu việc dứt trăm phi mà có đến đây ứng tích, lý quên bốn câu cho nên chẳng cảm không đèn. Hoàng thượng đạo soi cơ trước suy nghĩ vượt ràng buộc, ngưng thần nước sông Phần thì tâm tạ từ trong cõi. Đạo thấp binh cao thì hình nhọc trong vũ trụ, đây là pháp nhân giáng dấu vết, thị hiện cảnh Diêm-phù, đại quyền trụ địa ứng xuống cõi Ta-bà, cho nên muốn làm sạch vạn hữu độ thoát chúng sinh. Nước trôn sạch nơi ao báu, nhành cao mát ở cây đạo. Dùng lòng nhân chiết phục nhiếp thọ, gặp duyên mà đều cùng tột, đức nhẹ lời đấng miệng có cảm mà xướng đây. Hằng ngày chỗ làm không biết lợi ích đâu hạn cuộc, mọi người cùng nhau thêm được. Cúi lạy Đấng Chí Tôn, năm thể quy mạng v.v...

Ngước xin Hoàng đế Bệ hạ chí đạo cùng bốn thời đều vận, gió màu cùng tám cực chung rộng, lại thuần nguồn nơi ba xưa, bỏ sóng ác nghiệt ở chín đời, đến trị mình thấy ở ngày nay. Đại đạo lại thuộc lúc này, đạp hổ báo mà không sợ, giẫm lên rắn mà nó không cắn. Chôn vàng lấp ngọc hủy kế Phạm văn, lúa tươi tốt, suối rượu chảy. Xe vàng ngựa ngọc tự sáng rõ soi rọi nhau. Hạt đen, phụng đỏ, bay qua lại, quang canh đèn đã chiếu, ghe xe chỗ nước tràn rong chạy, đầu không cong gối, buộc cổ, xoay đầu, lời sơ sai, vào hầu đường Lãi, ngưỡng lạy Vị Thủy, cùng trời đất mà lâu dài đồng đá vàng mà bền chắc. Giữa núi có thể chuyển, sông dài có trong mà vua Thánh của ta vừa mát vừa sáng ngời, không nói mà hành hóa, không làm mà giáo pháp nghiêm túc.

Đạo giúp võ về, vọng nêu tốt đẹp hàng đầu, xét xa biết nhỏ, suốt tông, trùm tột, không nhọc búa, rong không đợi xét dụ. Huống gì lại tỉnh ngộ có không, đồng quán chân tục, thực hành được nói được, đã tin đã giữ gìn, mọi người đều chí thành vâng làm Điện Hạ đại diện cho vua quy mạng kính lễ v.v...

Ngưỡng mong Hoàng Thái Tử Điện Hạ đức bày lễ trời xanh, rộng chở ngang nhau ở mệnh mông. Sao trước chiếu rực rỡ, lia phương Đông sáng chói, hiện thực nghe từ xa hòa khí đen trời, khác tay tranh vào, người ngay đều đến, thể ngọc mát mẻ vui mừng, tiếng vàng nhiệm mầu vượt hơn.

Thật tươi tốt, tiếng tăm tốt đẹp, đạo trùm, đức rộng. Quý ngọc khuê áo lót, ngồi nghỉ ở cây hộc tôn quý cây hải đường, vẫn ứng cùng tiếc vâng hồng phía Đông, đều tiếc phía Tây, ngộ bệ chỗi bông lau là chẳng thật, biết huyền thuật gương và mặt trăng, tin sấm chớp không lưu dấu, nghiệm vẽ nước là tùy hợp chỉ nên dùng đèn trí soi chiếu, vọt

lên sóng bầu, lại thêm căn lành lợi đây, thành gốc nhiệm mầu này, lại riêng thêm đến vâng làm Thái úy cùng các vua, Điện hạ quy mạng kính lễ v.v...

Ngưỡng mong các vua đã sáng suốt thông minh, tiếng vượt sông Sở, khiến nghe khiến trông mong, đạo đều ở sáng mai rực rỡ, đức suốt bà con đá, nghĩa ôn tồn khắp thân thuộc, làm cái đỉnh thì cùng hai diệu chung nhau, đến núi thì cùng bốn góc vốn đồng kiên cố, nếu xa lớn, nhỏ, hằng dụ từng quân vui vẻ.

Lưng trời cao đầy thường rải hoa thơm đâu không ngọc chấn cỏ lan, lác vàng leng keng, cây quế sắc sỡ, thấy tác văn mà nghiệm lựa, nhìn một lông mà so sánh chim phụng, đều có thể tài cao như điện đồng lời giàu như đài mây, tiến lên hoàn mỹ, siêu vượt sáng rực. Do đây mà thiện thù thắng vâng làm, các vua điện hạ, lễ kính v.v...

Ngưỡng mong các vua, Điện hạ hòa thuận cùng gió mát đều quạt, tài hoa anh tuấn đem mây trắng cùng sáng sửa, hằng un đức sự trong mát, hạnh phúc lâu dài, hưởng điềm lành. Ra bờ cõi thì tiếng cao hơn dân, vào triều nội thì khen ánh sáng vật đá, đức nặng hơn núi chúa, trí vượt biển sâu, tiếng leng keng xinh xắn của cây châu, sáng của ánh nơi ruộng ngọc.

Đạo lưu hành như mây nổi, đức cảm cả hậu cung, quyết nhờ nhân lành đời trước mà bảm thọ tốt đẹp thường thường, hướng chi thắm sâu mưa pháp lại mở mặt trời tuệ. Dầu khác Khương Hậu cỡi hoa tai để xin tội cho Chu Vương, không cần Phàn Cơ bỏ thịt để cảm động Kinh Hậu, mà cung kính vâng theo tiết kiệm bỏ ham muốn, bỏ ngọc chạm khắc vật đồ tốt đẹp, rõ tâm không ngăn trệ, chánh kiến không nghi, mọi người đều thành thật vì quyến thuộc sáu cung mà quy mạng kính luận v.v...

Nguyện quyến thuộc sáu cung được nghiệp tươi đẹp, ngày tiếng tốt đẹp như Quy Thìn, chấn động màu sắc, khắc vẽ để truyền hương thơm ở thi sử, vị đồng Bảo Ấn, hạnh giống Nguyệt Quang, đủ sáu thần thông, được bốn món vô ngại.

Bảm thọ đức trong sáng, ôm lòng nhiệm mầu sâu, há chẳng phải tu tập có gốc, cho nên có thể nương tựa không mệt mỏi, Nghĩa Hưng và các công chúa quên vinh hoa ngon ngọt này, tội hơn cả chỗ ghi nhớ riêng ở đời trước, cho nên hiện tiền sở dĩ tin rồi, ảnh hưởng đến chân thật huyền cực của thức và ngủ, người đều thêm đến, kính mến vì các công chúa quy mạng kính lễ...

Xin các công chúa, ngày tăng thêm trí tánh, thêm lớn gốc tuệ, bốn nghiệp bốn y đã vâng theo, bảy thiện bảy định chẳng lui chẳng thiếu,

hằng mặc lụa đẹp suốt mùa lạnh nóng mà chẳng có thân.

Ba tướng sấm chạy, tám khổ chớp kích động, hoặc nơi nhà lửa chợt nghĩ nhanh đến sông, cho nên thước sóng tắc phong cảnh sức lớn không thể trụ lại. Xe trắng xe mặt trời hùng tài đâu thể ngăn chặn. Ở trong đó uống khổ ăn độc ôm bệnh ngậm buồn thương, thân miệng là lý do của mười sử, ý tư là chủ của tám bệnh, mọi người cùng nhau kia đây đều đây, sấm hối nghiệp ràng buộc từ vô thủy đến nay đã gây ra mười điều ác, tự mình làm và xúi giục người làm, thấy thiện không khen, thấy ác mừng theo, đốt rừng, tát cạn đầm, chó chạy chim bay, cùng hưởng Trịnh Vệ, tốt vị ngon ngọt, giỡn cười làm ác, bổng chốc thành sai trái, khinh nhờn hình tượng, lấn tạt chùa tháp, không kính Phương Đăng, hủy lia hòa hợp (chúng Tăng), tự định quyền hành, bỏ sự suy lường của người, tâm hổ thẹn trái lý, muội chúa dối cha, dầu bẫy thước chẳng khác tắc vuông, ở nơi ta mà có thể mặc tánh tình kia, ở người chưa để buông tha tâm miệng, các tội nhóm họp đều chờ ghe thành khẩn năm thể sát đất quy mạng kính lễ v.v...

Nguyện mọi người hiện tiền thân miệng thanh tịnh, hạnh nguyện đầy đủ, tiêu ba nghiệp chướng, sáng suốt ba trí, năm nhãn, sáu thần thông, được ý tự tại.

Văn lễ Phật sám hối của họ Vương (đồng với trước):

Có chẳng phải tự có, vì có chấp cho nên có. Không chẳng tự không, vì không dính mắc cho nên không. Cho nên có chấp, mê hoặc khởi chợt thành muôn lỗi. Do không dính mắc, niệm khởi một phen vượt chín kiếp, phải biết là chỗ quý của đạo là có không đều quên, tôn trọng của hạnh là chân giả đều soi chiếu. Lãnh nhận khí linh chớ nghe bốn này, tiêu hình cho bóng chẳng suy lường lý do, cho nên phát hang thức này vẫn dài dằng dặc mà tối tăm, kia chớ nói đạo, đây là tướng ngu, còn tối tăm bí ẩn chưa ngộ, mờ mịt có đồng biển tối, mù tăm thật ở thành nguy hiểm, gió nghiệp ràng buộc, ba cõi chạy dài, nước hoặc xoay vần, hai tử thuộc căn, lấy khổ bỏ khổ, từ tối vào tối, tìm gốc không lia sắc tâm, tức sự đâu chẳng là sinh diệt, là dùng ôm ràng buộc này mà luân hồi sinh tử, buông thả sáu ái, khởi tám tà, hoặc con khỉ lửa bịp mà khấc thịnh vượng, nổi lên nhân nghĩa mà bổng chết, hoặc tài trí đồng nhau, đây khinh hào hiệp, hoặc cùng ngày và giờ, người lên ta xuống, chỉ nói báo thí vắng vẻ, không biết nhân đối sáng suốt, duyên xưa, quả nay, quá khứ, hiện tại thẳng thành, có như phù hợp không lầm mảy may, mà muốn lấy ngăn sinh ra vận dài kia, thuật mạng nổi lại mờ số kia. Phải biết sát-na từ tạ nhau, chớp mắt là hơi thở không còn, Đông phò cơ nhỏ,

Tây yêm đã nghiêng, thí như xem dòng sông chảy mạnh như dùng ở đường nhỏ, thành đối chớ buông, cây độc tự trị. Nếu chẳng phải giả thật rõ cả hai, chân tục đều nói thì đâu thể chép thành thật hồi hương, khắc ý tu tập không hề lui sụt, luôn luôn kiên cố.

Nam Bình Đại Vương Điện Hạ có chánh khí thìn tượng, chứa thuần linh biển núi, đêm hầu tám hằng, sớm đạo bảy giác, nhờ diệu nhân nhiều kiếp, cảm quả thù thắng ở cõi này. Như chân Kim cương sáng, ngọc tốc mài thành, là do chứa nhóm đã tan, không cất chứa mà bỏ, cho nên ngày nay cách thức gọi linh chỉ ở thần nghi cúi ngược, lập trai nghiêm túc cứng chắc như thế, thanh đến Tăng tục giúp đỡ dồi dào, tiếng thơm đến khắp nhà báu hoa che đất cao sạch uyển chuyển, đâu chỉ động cây át cả mây, chiếc bè bằng tre nổi dài chẳng thẳng hơn cá cưỡi ngựa, ngưỡng mong bốn bộ chí thành năm thể quy mạng phương Đông v.v...

Xin Đại vương Điện hạ xả bỏ năm úy, bên trong giữ gìn mười lực bên ngoài, trăm phước trang nghiêm, muôn phúc đều nhóm, mộng hoảng hốt không gây gổ nên nổi lo, giấc ngủ ngon có sự yên tĩnh tinh thần, lại mở con đường báu, càng khởi nghiệp tuệ.

Huyền cực bất động chẳng phải chỗ người học dòm đến, gốc màu khó nghĩ, đâu hành nhân có thể suy lường, vì vậy bậc Thập địa nói rằng có nghi lưới kiếp, bậc ba thừa xứng thấy giống hoặc mê cuồng, tự chẳng phải soi cùng cỏ, giác chiếu tốt tối, cùng lý tận tánh thể vốn là một, đâu thể giúp đời đời nhân thọ cứu vật nguy ách. Đạo trùm biển xanh, tiếng cao hơn huyện đỏ, xưa vua Nghiêu chói lợi chỉ ở ngay đời đó. Vua Thuấn tối đen không gồm quả sau, bốn vòng một dấu vết Vũ, sáu việc mỗi một thân Thang và sự nhọc nhằn trong nước sự ích lợi trong cõi đâu có trăm họ qua biển khổ, cứu hết chúng sinh ở đường sợ sệt, vận thần lực, nổi tiếng pháp, nghiên cứu lý nhiệm mầu ở thành thơm, tội lỗi sâu xa ở sông vàng. Tuệ Cao, Long Thọ, Trí Xuất, Mã Minh quyết mong rưới thấm thần dân, dẫn dắt kẻ đạo người tục, trời che đất nuôi nước bờ sinh ra, đều thanh từ bi đều nhờ bình đẳng, nguyện vì Hoàng đế, Bệ hạ, các vua, Thái tử kính lễ v.v...

Ngưỡng mong Hoàng đế Bệ hạ ngôi vua cùng bảy chánh đồng nhau, xã tắc cùng mặt trời mặt trăng đều lâu bền, đất bằng trời thành, nhạc hòa, lễ hợp, đèn ngọc đạo chánh dày đặc không sai, gió mưa điều hòa thấm nhuần thuộc nhau, khước từ Mã Yểm, Bắc đúc kích, dao, giáo, Nam kịp, Bắc đến, Tây được, Đông từ từ. Rưới mưa ngọt rải mây tuệ, chỉ có đây có thể kết nơi mũ đã vẽ, mạnh thay! Huy hoàng thành! Là dẫn dắt, là làm đầu.

Lại xin Hoàng Thái Tử Điện Hạ nghiệp trí sáng suốt cùng trình minh mà đều chiếu sáng, thuần túy giới hạn ôn hòa oai nghi từ núi Tung mà bỗng chốc đều cao vòi vọi, tiếng hơn Cơ tụng đạo vượt Hán Trang. Thường thấm nhuần nước trí, mặt trời tuệ soi lâu dài. Thượng diệu ở thân chí nhân ở mình, từ tám nhánh song thọ mất dần ánh sáng, thành báu không mở, quạt tuệ vừa che, mà Thánh sợ pháp luân nơi đường dài, chống ghe báu ở khe hẹp xa, đạo thêm người cầu thần phước giáng nơi đền thờ Tổ tiên, việc gấp, nhà tròn kiền thành kính phụng sự giúp đỡ, nhờ đây diệu quả càng mạnh, bảy triệu Thánh linh quy mạng kính lễ v.v...

Kính mong lại sáng nhiều Thánh phảng phát như trước mặt, thần vọt, cõi nước sạch đều bay lên Thiên cung, giá thân cành sen vàng ngao du điện báu.

Thành tâm trong thương xót thì chí giáo như hiện tại, hình lực ở ngoài hết lòng thì pháp thân ở gang tấc. Mọi người cùng nhau đến thêm vì các anh em chị em quyến thuộc của vua quy mạng kính lễ v.v...

Mong các vua Điện hạ cất sự đầy đủ giàu có với các người đẹp, lạnh cứng như tảng đá hơn thạch Hán, đức cao hơn Lỗ bảo vệ nghĩa hơn Giang Bình. Luận đạo thì trăm hợp nương gió, làm sự bay cao thì muôn dân kính mến giáo hóa, rộng chí giáo nối thạch quý tượng. Trong thứ bậc thiếu trưởng thượng và ứng đầy nhiều phước, như mùa xuân có trăm hoa đẹp như mùa thu muôn báu thành, tin hiểu sâu chắc, hưởng lên chẳng biếng nhác.

Chí Tiểu thừa kém, sự chỉ vì một mình, Đại sĩ ý đồng bao trùm sáu đường. Ngày nay đàn chủ, tin đồng với minh châu, không nhọc bên gương, chất đồng ngọc đỉnh, không đợi ánh sáng ngoài, thường muốn mình và người chung lòng oán thân xem đồng, mọi người đều quay về chí thành vì hai mươi tám cõi trời Tứ thiên vương, Đế Thích, Phạm thiên, nhân gian người nghèo kẻ bệnh, sự đau khổ ở địa ngục, kính lễ tôn nghi linh tượng Bồ-tát và tháp báu v.v...

Tặng nhiệm mầu của Đại thừa, kinh sâu diệu pháp, đại thân mà vô biên thân, đại lực mà vô lượng năng lực, bốn hướng, bốn quả, tám hiền, tám thánh, sáu khí dày đặt, bốn tựa sáng sửa tráng lệ, đến trị sáng muôn nhà huyền hóa suốt chín chỗ tối tăm mang vi đội vầy thấp sinh noãn hóa, tám khổ, sáu cùng, ba đường năm nẻo đều nhờ tuệ sắc bén đều biết vâng theo, rừng dao dừng đao, cây kiếm gãy mũi nhọn, thành mê mở đường thẳng đến ngã tư đường, nhà tối sinh ánh sáng mở lớn ba diệu, đều hưởng đạo tràng đồng lên chung giác.

Văn đầu đêm:

Từ xa vô thử đến khi có thân này, sinh tử luân hồi kinh sợ, trần lao đè nén đầu thể lưỡng, sáng tối thay nhau đến, củi lửa không thể dụ, nước chảy chẳng nhanh, ngàn mặt trăng khó bảo đảm rấn lục nhóm khổ, một cây mừng ngọt, ngủ say dữ dội nơi cứ ngộ tối dài rất lắm nơi rượu chắm, nghĩa chẳng phải người khác chiêu cảm, sự thật thì mình chuốc lấy, từng không biết bầm thọ hình hài đây là có lý do mà đến, đêm tâm thức này cuối cùng muốn về đâu? Chỉ do thế vị đều cao, tranh kiêu hoa nơi một sáng sớm, xe chạy tự chính đốn, tranh chạy kinh sợ ngay năm ấy chớ không ỷ tâm mạnh, răng cứng, mặt hồng, tóc đen kia, miệng buông lung thân mập thì đâu nhẹ nhàng, rắc rối giầy cung nơi trụ ngắn, chìm ngập mà không nhàm, giường ngọc tòa tượng, cùng chẳng phải không có mà không nơi mình, nghĩa là câu chìm nổi nói suốt bi không hề quan hệ với người. Chim ngói quay đều lại lên xuống thường tự tại, kia đâu không biết mạng đều là nguy thân là món đồ khổ, nào khác bọn chó dê ở lò sát, như nai vào nhà bếp thành đồ ăn ngon, như con ngỗng bị ném vào lửa mà không nghi, như con tằm kéo tơ tự buộc mà không ngộ, chưa biện trước, gặp không biết là nhân tập và kia một phen chạm đường sợ sệt, cửa mạnh chẳng nguy hiểm, xe xé nát thân thể mới ở đây không tới được sự đau đớn kia, cắt chân lóc vai so với đây chưa tốt sự khổ, luân hồi khởi hay núp thăm thẳm mênh mông, do đây bậc trời trong loài trời giáng lòng bi dặt dấn, ngăn dòng nước chảy xiết của sông mùa hạ, đập ngọn đuốc mạnh ở nguồn mùa thu. Hoặc đồng thương chủ, chột đồng y vương, hình khắp tam thiên, giáo truyền trăm ức. Hoặc buông thả thần lực, hoặc vắng các cảnh Phạm thiên, nói thì ba đường lia khổ, cười thì bốn loài thọ vui, bèn ứng bệnh, đầu cơ, giải nhiều nói lý, chế đó ngày đêm xưng là tám cửa dùng tám khóa chánh làm dựng cửa pháp, đây thật là bền màu xuất thế, là hạnh mạnh mẽ của tại gia, mọi người cùng nhau vận lòng thành vâng lời xây dựng Điện Hạ Nam Bình Vương kính lễ quy mạng v.v...

Mong Đại vương Điện hạ nghiệp tuệ sáng rõ cùng non Nam mà tướng kiên cố, tâm trong trắng cao vòi vọi, tiết hạnh đồng biển đồng rộng lớn, muôn lụy tiêu như khói, trăm tai mất như mù sương, huyền xảo không mê hoặc, ma mạnh đâu thể quấy nhiễu, bèn thông dong hợp thể tùy ấm mát mà đặc tánh, tự bầm thọ khí nghi của trời, hằng vững chắc đạo của đường lành, chứng sáu năng lực thần thông, đủ bốn trí vô ngại.

Mặt trăng ở núi Côn Luân thì ta lo việc rắc rối nhiều loạn ánh

nắng tắt xuống, mưa sa ràn rụa thì thần tịnh chí vui, trăng ngọc sao châu ngậm hoa chiếu nhau, mây nhẹ, sương mỏng, rõ ràng tự dập tắt. Chuông kêu nổi tiếng vang, đèn sáng thì tỏ rõ, tràng pháp cuốn mở, đuổi Cao Hiên mà thông thả, tiếng thơm ngào ngạt. Bỏ gánh nặng mà chuyển nhẹ, nêu vàng ngậm ánh sáng trụ châu rỗng sắc, hướng gì bậc thiên tôn vọi vọi oai quang chiếu bốn phương, sáng sửa hoa sen xanh sánh cùng ngọc kha tuyết, biết thần vệ trong gang tấc, như vườn rừng tại đây, tập hợp khách lia cấu, rộng nhóm bạn ứng chân, rõ ràng ngậm nhỏ, một phen xướng ba lần khen, mặt nghĩa đề ép tuyên dương liên hoàn không dứt. Nam Bình Vương thể được cơ thông minh, giúp điềm nhập thần, ôm ngậm đức hòa, trải qua nhân nghĩa, điều lành không nhỏ mà chẳng cùng, lụy có nhẹ quyết bỏ, thọ đồng ống sáo rỗng, soi như gương treo, quên tôn cao của Lão Vệ, lược hoa dày của cây đường đệ, dựng tòa thù thắng ít có, đến cỡ pháp khó gặp, cùng nhau năm thể quy mạng kính lễ v.v...

Nguyện Đại Vương Điện Hạ vào cửa không hai bên đường nhất tướng, bờ đức bất động, trí vượt đi xa, tiếng tuệ dâng tràn mệnh mộng cùng tám gió chung xa, thể ngọc ưu du cùng sáu luật điều nhịp nhau, ăn thuốc tốt ở núi Tuyết, rót vị ngon ngọt ở thành lộ, mặc long bào, cây hoàn, ngọc khuê cùng bốn mùa lâu dài, vòng châu mang lụa đỏ suốt ngàn năm mà thường còn.

